

INCENSE PRAISE  
XIĀNG ZÀN  
香讚  
TÁN LƯ HƯƠNG

- INCENSE IN THE CENSER NOW IS BURNING; ALL THE DHARMA REALM RECEIVES THE FRAGRANCE,

**LÚ XIĀNG Zhà RÈ, Fǎ Jiè Méng Xūn.**

爐香乍熱◎，法界蒙熏。

**Lư hương xạ nhiệt, Pháp giới môn huân.**

- FROM AFAR THE SEA VAST HOST OF BUDDHAS ALL INHALE ITS SWEETNESS.

**ZHŪ FÓ Hǎi Huì Xī Yáo Wén.**

諸佛海會悉遙聞◎。

**Chư Phật hải hội tất diêu văn.**

- IN EVERY PLACE AUSPICIOUS CLOUDS APPEARING,

**SUÍ CHÙ Jié Xiáng Yún,**

隨處結祥雲， ◎

**Tùy xứ kết tường vân,**

- OUR SINCERE INTENTION THUS FULFILLING, AS ALL BUDDHAS NOW SHOW THEIR PERFECT BODY.

**CHÉNG Yì Fāng Yīn, Zhū Fó Xiàn Quán Shēn.**

誠意方殷，諸佛現全身◎。

**Thành ý phương ân, chư Phật hiện toàn thân.**

- NA MO INCENSE CLOUD CANOPY BODHISATTVA, MAHASATTVA.  
*(Repeat last line 3 times, bowing each time and ending with a half-bow)*

**NÁ MÓ Xiāng Yún Gài Pú Sà Mó Hē Sà.**

南無◎<sub>3</sub>香雲蓋菩薩◎<sub>3</sub>摩訶薩◎<sub>1,3</sub> ° (3x)

**Nam Mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát.** *(Tụng dòng cuối 3 lần, mỗi lần 1 lạy, sau xá)*

# Eighty Eight Buddhas Repentance Ceremony

BĀ SHÍ BĀ FÓ DÀ CHÀN HUǏ WÉN

八十八佛大懺悔文

Bát Thập Bát Phật Đại Sám Hối Văn

TO THE GREATLY KIND, COMPASSIONATE ONES WHO RESCUE LIVING BEINGS, THE ONES OF GREAT JOYOUS GIVING WHO RESCUE SENTIENT BEINGS,

**DÀ CÍ DÀ BÈI MǐN ZHÒNG SHÈNG,**

大慈大悲愍眾生◎，

**DÀ Xǐ DÀ SHÈ Jì HÁN SHÍ,**

大喜大捨濟含識，

**Đại từ đại bi mẫn chúng sanh, đại hỷ đại xả tế hàm thức,**

THE ONES ADORNED WITH THE LIGHT OF HALLMARKS AND FINE CHARACTERISTICS, THE ASSEMBLIES RETURN THEIR LIVES IN WORSHIP WITH UTMOST SINCERITY.

**XIÀNG HǎO GUĀNG MÍNG Yǐ Zì YÁN,**

相好光明以自嚴◎，

**ZHÒNG DÈNG ZHì XĪN GŪ MÌNG Lǐ.**

眾等至心歸命禮。

**Tướng hảo quang minh dĩ tự nghiêm, chúng đảnh chí tâm quy mệnh lễ.**

NAMO, I TAKE REFUGE WITH THE BUDDHAS OF THE TEN DIRECTIONS TO THE ENDS OF EMPTY SPACE.

**NÁ MÓ GUĪ YĪ SHÍ FĀNG Jìn XŪ KŌNG JIÈ**

南無皈依十方盡虛空界

**YÍ QIÈ ZHŪ FÓ.**

一切諸佛◎。

**Nam Mô quy y thập phương tận hư không giới nhất thiết chư Phật.**

NAMO, I TAKE REFUGE WITH ALL THE VENERABLE DHARMA OF THE TEN DIRECTIONS TO THE ENDS OF EMPTY SPACE.

**NÁ MÓ GUĪ YĪ SHÍ FĀNG JÌN XŪ KŌNG JIÈ**  
南無皈依十方盡虛空界

**YÍ QIÈ ZŪN Fǎ.**  
一切尊法。

**Nam Mô quy y thập phương tận hư không giới nhất thiết Tôn Pháp.**

NAMO, I TAKE REFUGE WITH THE SANGHA OF ALL SAGES AND WORTHIES OF THE TEN DIRECTIONS TO THE ENDS OF EMPTY SPACE.

**NÁ MÓ GUĪ YĪ SHÍ FĀNG JÌN XŪ KŌNG JIÈ**  
南無皈依十方盡虛空界

**YÍ QIÈ XIÁN SHÈNG SÈNG.**  
一切賢聖僧。

**Nam Mô quy y thập phương tận hư không giới nhất thiết Hiền Thánh Tăng.**

NAMO THE THUS COME ONES, WORTHY OF OFFERINGS, OF PROPER AND UNIVERSAL KNOWLEDGE,

**NÁ MÓ RÚ LÁI, YÌNG GÒNG, ZHÈNG BIÀN ZHĪ,**  
南無如來◎，應供，正徧知，

**Nam Mô Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri,**

PERFECT IN UNDERSTANDING AND CONDUCT, SKILLFUL IN LEAVING THE WORLD THROUGH LIBERATION, UNSURPASSED KNIGHTS,

**MÍNG HÈNG ZÚ, SHÀN SHÌ, SHÌ JIĀN JIĚ,**  
明行足，善逝，世間解，

**WÚ SHÀNG SHÌ,**  
無上士，

**Minh Hạnh Túc, Thiện Tuệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ,**

TAMING HEROES, TEACHERS OF GODS AND PEOPLE, BUDDHAS, WORLD  
HONORED ONES

**TIÁO YÙ ZHÀNG FŪ, TIĀN RÉN SHĪ, FÓ, SHÌ ZŪN.**

調御丈夫，天人師，佛◎，世尊。

**Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.**

NAMO UNIVERSAL LIGHT BUDDHA

**NÁ MÓ PŪ GUĀNG FÓ**

南無普光佛◎

**Nam Mô Phổ Quang Phật**

NAMO UNIVERSAL UNDERSTANDING BUDDHA

**NÁ MÓ PŪ MÍNG FÓ**

南無普明佛

**Nam Mô Phổ Minh Phật**

NAMO UNIVERSAL PURITY BUDDHA

**NÁ MÓ PŪ JÌNG FÓ**

南無普淨佛

**Nam Mô Phổ Tịnh Phật**

NAMO TAMALAPATTRA AND CHANDANA FRAGRANCE BUDDHA

**NÁ MÓ DUŌ MÓ LUÓ BÁ ZHĀN TÁN XIĀNG FÓ**

南無多摩羅跋梅檀香佛

**Nam Mô Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương Phật**

NAMO CHANDANA LIGHT BUDDHA

**NÁ MÓ ZHĀN TÁN GUĀNG FÓ**

南無梅檀光佛

**Nam Mô Chiên Đàn Quang Phật**

NAMO MANI BANNER BUDDHA

**NÁ MÓ MÓ NÍ CHUÁNG FÓ**

南無摩尼幢佛

**Nam Mô Ma Ni Tràng Phật**

NAMO TREASURY OF HAPPINESS AND ACCUMULATION OF MANI  
JEWELS BUDDHA

**NÁ MÓ HUĀN Xǐ Zàng MÓ NÍ BǎO Jī FÓ**  
南無歡喜藏摩尼寶積佛

**Nam Mô Hoan Hỉ Tạng Ma Ni Bảo Tích Phật**

NAMO SUPREME GREAT VIGOR THAT ALL WORLDS DELIGHT TO SEE  
BUDDHA

**NÁ MÓ YÍ QIÈ SHÌ JIĀN LÈ JIÀN SHàng DÀ Jīng Jìn FÓ**  
南無一切世間樂見上大精進佛

**Nam Mô Nhất Thiết Thế Gian Lạc Kiến Thượng Đại Tinh  
Tân Phật**

NAMO MANI BANNER AND LAMPS' LIGHT BUDDHA

**NÁ MÓ MÓ NÍ CHUÁng Dēng GUĀng FÓ**  
南無摩尼幢燈光佛

**Nam Mô Ma Ni Tràng Đăng Quang Phật**

NAMO WISDOM TORCHES' SHINING BUDDHA

**NÁ MÓ HUÌ Jù Zhào FÓ**  
南無慧炬照佛

**Nam Mô Huệ Cự Chiêu Phật**

NAMO SEA-VAST VIRTUE'S RADIANCE BUDDHA

**NÁ MÓ Hǎi Dé GUĀng Míng FÓ**  
南無海德光明佛

**Nam Mô Hải Đức Quang Minh Phật**

NAMO VAJRA-FIRM AND SHEDDING GOLDEN LIGHT EVERYWHERE  
BUDDHA

**NÁ MÓ Jīn Gāng Láo QIáng Pǔ SÀN Jīn GUĀng FÓ**  
南無金剛牢強普散金光佛

**Nam Mô Kim Cang Lao Cường Phổ Tán Kim Quang Phật**

NAMO GREAT FIRM VIGOR AND COURAGE BUDDHA

**NÁ MÓ DÀ QIÁNG JĪNG JÌN YǒNG MĒNG FÓ**

南無大強精進勇猛佛

**Nam Mô Đại Cường Tinh Tấn Dũng Mạnh Phật**

NAMO GREATLY COMPASSIONATE LIGHT BUDDHA

**NÁ MÓ DÀ BĒI GUĀNG FÓ**

南無大悲光佛

**Nam Mô Đại Bi Quang Phật**

NAMO KING OF KINDNESS AND STRENGTH BUDDHA

**NÁ MÓ CÍ LÌ WÁNG FÓ**

南無慈力王佛

**Nam Mô Từ Lực Vương Phật**

NAMO TREASURY OF KINDNESS BUDDHA

**NÁ MÓ CÍ ZÀNG FÓ**

南無慈藏佛

**Nam Mô Từ Tạng Phật**

NAMO ADORNMENT AND VICTORY IN CHANDANA CAVE BUDDHA

**NÁ MÓ ZHĀN TÁN KŪ ZHUĀNG YÁN SHÈNG FÓ**

南無栴檀窟莊嚴勝佛

**Nam Mô Chiên Đàn Quật Trang Nghiêm Thắng Phật**

NAMO WORTHY AND WHOLESOME LEADER BUDDHA

**NÁ MÓ XIÁN SHÀN SHǒU FÓ**

南無賢善首佛

**Nam Mô Hiền Thiện Thủ Phật**

NAMO WHOLESOME MIND BUDDHA

**NÁ MÓ SHÀN YÌ FÓ**

南無善意佛

**Nam Mô Thiện Ý Phật**

NAMO KING VAST ADORNMENTS BUDDHA

**NÁ MÓ GUǎNG ZHUǎNG YÁN WÁNG FÓ**

南無廣莊嚴王佛

**Nam Mô Quảng Trang Nghiêm Vương Phật**

NAMO GOLDEN FLOWERS' LIGHT BUDDHA

**NÁ MÓ JĪN HUÁ GUǎNG FÓ**

南無金華光佛

**Nam Mô Kim Hoa Quang Phật**

NAMO KING SELF-MASTERY POWER LIKE A JEWELLED CANOPY SHINING  
IN SPACE BUDDHA

**NÁ MÓ BǎO GÀI ZHÀO KŌNG ZÌ ZÀI LÌ WÁNG FÓ**

南無寶蓋照空自在力王佛

**Nam Mô Bảo Cái Chiếu Không Tự Tại Lực Vương Phật**

NAMO LIGHT OF PRECIOUS FLOWERS IN SPACE BUDDHA

**NÁ MÓ XŪ KŌNG BǎO HUÁ GUǎNG FÓ**

南無虛空寶華光佛

**Nam Mô Hư Không Bảo Hoa Quang Phật**

NAMO KING ADORNED WITH LAPUS LAZULI BUDDHA

**NÁ MÓ LIÚ LÍ ZHUǎNG YÁN WÁNG FÓ**

南無琉璃莊嚴王佛

**Nam Mô Lưu Ly Trang Nghiêm Vương Phật**

NAMO FORM-BODY'S LIGHT APPEARING EVERYWHERE BUDDHA

**NÁ MÓ PŪ XIÀN SÈ SHĒN GUǎNG FÓ**

南無普現色身光佛

**Nam Mô Phổ Hiện Sắc Thân Quang Phật**

NAMO LIGHT OF UNMOVING WISDOM BUDDHA

**NÁ MÓ BÚ DÒNG ZHÌ GUǎNG FÓ**

南無不動智光佛

**Nam Mô Bất Động Trí Quang Phật**

NAMO KING DEMON-HORDE-SUBDUER BUDDHA

**NÁ MÓ XIÁNG FÚ ZHÒNG MÓ WÁNG FÓ**

南無降伏衆魔王佛

**Nam Mô Hàng Phục Chúng Ma Vương Phật**

NAMO GIFTED AND BRILLIANT BUDDHA

**NÁ MÓ CÁI GUĀNG MÍNG FÓ**

南無才光明佛

**Nam Mô Tài Quang Minh Phật**

NAMO WISDOM VICTORY BUDDHA

**NÁ MÓ ZHÌ HUÌ SHÈNG FÓ**

南無智慧勝佛

**Nam Mô Trí Tuệ Thắng Phật**

NAMO MAITREYA, IMMORTAL LIGHT BUDDHA

**NÁ MÓ MÍ LÈ XIĀN GUĀNG FÓ**

南無彌勒仙光佛

**Nam Mô Di Lạc Tiên Quang Phật**

NAMO KING WELL-STILLED MOON-SOUND AND WONDERFUL  
VENERABLE WISDOM BUDDHA

**NÁ MÓ SHÀN JÌ YUÈ YĪN MIÀO ZŪN ZHÌ WÁNG FÓ**

南無善寂月音妙尊智王佛

**Nam Mô Thiện Tịch Nguyệt Âm Diệu Tôn Trí Vương  
Phật**

NAMO PURE LIGHT FOR THE WORLD BUDDHA

**NÁ MÓ SHÌ JÌNG GUĀNG FÓ**

南無世淨光佛

**Nam Mô Thế Tịnh Quang Phật**



NAMO SUPREME AND VENERABLE DRAGON-KING BUDDHA

**NÁ MÓ LÓNG ZHǒNG SHÀNG ZŪN WÁNG FÓ**  
南無龍種上尊王佛

**Nam Mô Long Chủng Thượng Tôn Vương Phật**

NAMO LIGHT OF SUN AND MOON BUDDHA

**NÁ MÓ RÌ YUÈ GUĀNG FÓ**  
南無日月光佛

**Nam Mô Nhật Nguyệt Quang Phật**

NAMO PEARL-LIGHT OF SUN AND MOON BUDDHA

**NÁ MÓ RÌ YUÈ ZHŪ GUĀNG FÓ**  
南無日月珠光佛

**Nam Mô Nhật Nguyệt Châu Quang Phật**

NAMO VICTORIOUS KING WISDOM-BANNER BUDDHA

**NÁ MÓ HUÌ CHUÁNG SHÈNG WÁNG FÓ**  
南無慧幢勝王佛

**Nam Mô Tuệ Tràng Thắng Vương Phật**

NAMO KING LION'S ROAR AND POWER OF SELF-MASTERY BUDDHA

**NÁ MÓ SHĪ Zǐ Hǒu zì zài lì wáng fó**  
南無師子吼自在力王佛

**Nam Mô Sư Tử Hống Tự Tại Lực Vương Phật**

NAMO WONDERFUL VOICE AND VICTORY BUDDHA

**NÁ MÓ MIÀO YĪN SHÈNG FÓ**  
南無妙音勝佛

**Nam Mô Diệu Âm Thắng Phật**

NAMO BANNER OF ETERNAL LIGHT BUDDHA

**NÁ MÓ CHÁNG GUĀNG CHUÁNG FÓ**  
南無常光幢佛

**Nam Mô Thường Quang Tràng Phật**

NAMO LAMP THAT CONTEMPLATES THE WORLD BUDDHA

**NÁ MÓ GUĀN SHÌ DÈNG FÓ**

南無觀世燈佛

**Nam Mô Quán Thế Đăng Phật**

NAMO KING AWESOME LAMP OF WISDOM BUDDHA

**NÁ MÓ HUÌ WĒI DÈNG WÁNG FÓ**

南無慧威燈王佛

**Nam Mô Tuệ Uy Đăng Vương Phật**

NAMO KING DHARMA-VICTORY BUDDHA

**NÁ MÓ Fǎ SHÈNG WÁNG FÓ**

南無法勝王佛

**Nam Mô Pháp Thắng Vương Phật**

NAMO SUMERU LIGHT BUDDHA

**NÁ MÓ XŪ MÍ GUĀNG FÓ**

南無須彌光佛

**Nam Mô Tu Di Quang Phật**

NAMO SUMANA FLOWER LIGHT BUDDHA

**NÁ MÓ XŪ MÀN NÀ HUÁ GUĀNG FÓ**

南無須曼那華光佛

**Nam Mô Tu Mạn Na Hoa Quang Phật**

NAMO KING RARE AS THE UDUMBARA FLOWER BUDDHA

**NÁ MÓ YŌU TÁN BŌ LUÓ HUÁ SHŪ SHÈNG WÁNG FÓ**

南無優曇鉢羅華殊勝王佛

**Nam Mô Ưu Đàm Bát La Hoa Thù Thắng Vương Phật**

NAMO KING GREAT WISDOM-POWER BUDDHA

**NÁ MÓ DÀ HUÌ LÌ WÁNG FÓ**

南無大慧力王佛

**Nam Mô Đại Huệ Lực Vương Phật**

NAMO AKSHOBHYA, LIGHT OF JOY BUDDHA

**NÁ MÓ Ē CHÙ PÍ HUĀN Xǐ GUĀNG FÓ**

南無阿閼毗歡喜光佛

**Nam Mô A Súc Tỳ Hoan Hỉ Quang Phật**

NAMO KING INFINITE VOICES BUDDHA

**NÁ MÓ WÚ LIÀNG YĪN SHĒNG WÁNG FÓ**

南無無量音聲王佛

**Nam Mô Vô Lượng Âm Thanh Vương Phật**

NAMO GIFTED AND BRIGHT BUDDHA

**NÁ MÓ CÁI GUĀNG FÓ**

南無才光佛

**Nam Mô Tài Quang Phật**

NAMO GOLDEN SEA OF LIGHT BUDDHA

**NÁ MÓ JĪN HǎI GUĀNG FÓ**

南無金海光佛

**Nam Mô Kim Hải Quang Phật**

NAMO KING WISDOM LIKE MOUNTAINS AND SEAS AND SELF-  
MASTERY'S PENETRATIONS BUDDHA

**NÁ MÓ SHĀN HǎI HUÌ ZÌ ZÀI TŌNG WÁNG FÓ**

南無山海慧自在通王佛

**Nam Mô Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương Phật**

NAMO LIGHT OF GREAT PENETRATIONS BUDDHA

**NÁ MÓ DÀ TŌNG GUĀNG FÓ**

南無大通光佛

**Nam Mô Đại Thông Quang Phật**

NAMO FOREVER REplete IN ALL DHARMAS BUDDHA

**NÁ MÓ YÍ QÌÈ Fǎ CHÁNG MǎN WÁNG FÓ**

南無一切法常滿王佛

**Nam Mô Nhất Thiết Pháp Thường Mãn Vương Phật**

NAMO SHAKYAMUNI BUDDHA

**NÁ MÓ SHÌ JIĀ MÓU NÍ FÓ**  
南無釋迦牟尼佛◎

**Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật**

NAMO VAJRA-INDESTRUCTIBLE BUDDHA

**NÁ MÓ JĪN GĀNG BÚ HUÀI FÓ**  
南無金剛不壞佛

**Nam Mô Kim Cương Bất Hoại Phật**

NAMO PRECIOUS LIGHT BUDDHA

**NÁ MÓ BǎO GUĀNG FÓ**  
南無寶光佛

**Nam Mô Bảo Quang Phật**

NAMO VENERABLE DRAGON-KING BUDDHA

**NÁ MÓ LÓNG ZŪN WÁNG FÓ**  
南無龍尊王佛

**Nam Mô Long Tôn Vương Phật**

NAMO VIGOR'S ARMY BUDDHA

**NÁ MÓ JĪNG JÌN JŪN FÓ**  
南無精進軍佛

**Nam Mô Tinh Tấn Quân Phật**

NAMO VIGOR AND JOY BUDDHA

**NÁ MÓ JĪNG JÌN Xǐ FÓ**  
南無精進喜佛

**Nam Mô Tinh Tấn Hỷ Phật**

NAMO PRECIOUS FIRE BUDDHA

**NÁ MÓ BǎO HUǒ FÓ**  
南無寶火佛

**Nam Mô Bảo Hoả Phật**

NAMO PRECIOUS MOONLIGHT BUDDHA

**NÁ MÓ BǎO YUÈ GUĀNG FÓ**

南無寶月光佛

**Nam Mô Bảo Nguyệt Quang Phật**

NAMO MANIFESTING WITHOUT DELUSION BUDDHA

**NÁ MÓ XIÀN WÚ YÚ FÓ**

南無現無愚佛

**Nam Mô Hiện Vô Ngu Phật**

NAMO PRECIOUS MOON BUDDHA

**NÁ MÓ BǎO YUÈ FÓ**

南無寶月佛

**Nam Mô Bảo Nguyệt Phật**

NAMO UNDEFILED BUDDHA

**NÁ MÓ WÚ GÒU FÓ**

南無無垢佛

**Nam Mô Vô Cấu Phật**

NAMO APART FROM DEFILEMENT BUDDHA

**NÁ MÓ LÍ GÒU FÓ**

南無離垢佛

**Nam Mô Ly Cấu Phật**

NAMO COURAGEOUS GIVING BUDDHA

**NÁ MÓ YǒNG SHĪ FÓ**

南無勇施佛

**Nam Mô Dũng Thí Phật**

NAMO PURITY BUDDHA

**NÁ MÓ QĪNG JÌNG FÓ**

南無清淨佛

**Nam Mô Thanh Tịnh Phật**

NAMO PURE GIVING BUDDHA

**NÁ MÓ QĪNG JÌNG SHĪ FÓ**

南無清淨施佛

**Nam Mô Thanh Tịnh Thí Phật**

NAMO SUO LIU NA BUDDHA

**NÁ MÓ SUŌ LÍU NÀ FÓ**

南無娑留那佛

**Nam Mô Ta Lưu Na Phật**

NAMO WATER-DEVA BUDDHA

**NÁ MÓ SHUǏ TIĀN FÓ**

南無水天佛

**Nam Mô Thủy Thiên Phật**

NAMO FIRM VIRTUE BUDDHA

**NÁ MÓ JIĀN DÉ FÓ**

南無堅德佛

**Nam Mô Kiên Đức Phật**

NAMO CHANDANA MERIT AND VIRTUE BUDDHA

**NÁ MÓ ZHĀN TÁN GŌNG DÉ FÓ**

南無栴檀功德佛

**Nam Mô Chiên Đàn Công Đức Phật**

NAMO INFINITE HANDFULS OF LIGHT BUDDHA

**NÁ MÓ WÚ LIÀNG JÚ GUĀNG FÓ**

南無無量掬光佛

**Nam Mô Vô Lượng Cúc Quang Phật**

NAMO BRIGHT VIRTUE BUDDHA

**NÁ MÓ GUĀNG DÉ FÓ**

南無光德佛

**Nam Mô Quang Đức Phật**

NAMO VIRTUE FREE OF WORRY BUDDHA

**NÁ MÓ WÚ YŌU DÉ FÓ**

南無無憂德佛

**Nam Mô Vô ưu Đức Phật**

NAMO NARAYANA BUDDHA

**NÁ MÓ NÀ LUÓ YÁN FÓ**

南無那羅延佛

**Nam Mô Na La Diên Phật**

NAMO FLOWER OF MERIT AND VIRTUE BUDDHA

**NÁ MÓ GŌNG DÉ HUÁ FÓ**

南無功德華佛

**Nam Mô Công Đức Hoa Phật**

NAMO LOTUS-FLOWER LIGHT, ROAMING IN SPIRITUAL POWER  
BUDDHA

**NÁ MÓ LIÁN HUÁ GUĀNG YÓU XÌ SHÉN TŌNG FÓ**

南無蓮華光遊戲神通佛

**Nam Mô Liên Hoa Quang Du hí Thần Thông Phật**

NAMO WEALTHY IN MERIT AND VIRTUE BUDDHA

**NÁ MÓ CÁI GŌNG DÉ FÓ**

南無財功德佛

**Nam Mô Tài Công Đức Phật**

NAMO VIRTUE AND MINDFULNESS BUDDHA

**NÁ MÓ DÉ NIÀN FÓ**

南無德念佛

**Nam Mô Đức Niệm Phật**

NAMO MERIT AND VIRTUE AND GOOD RENOWN BUDDHA

**NÁ MÓ SHÀN MÍNG CHĒNG GŌNG DÉ FÓ**

南無善名稱功德佛

**Nam Mô Thiện Danh Xưng Công Đức Phật**

NAMO KING BLAZING RED IMPERIAL BANNER BUDDHA

**NÁ MÓ HÓNG YÀN DÌ CHUÁNG WÁNG FÓ**

南無紅燄帝幢王佛

**Nam Mô Hồng Diệm Đế Tràng Vương Phật**

NAMO SKILLFULLY TRAVEL AND MERIT AND VIRTUE BUDDHA

**NÁ MÓ SHÀN YÓU BÙ GŌNG DÉ FÓ**

南無善遊步功德佛

**Nam Mô Thiện Du Bộ Công Đức Phật**

NAMO VICTORIOUS IN BATTLE BUDDHA

**NÁ MÓ DÒU ZHÀN SHÈNG FÓ**

南無鬪戰勝佛

**Nam Mô Đấu Chiến Thắng Phật**

NAMO SKILLFULLY TRAVELING BUDDHA

**NÁ MÓ SHÀN YÓU BÙ FÓ**

南無善遊步佛

**Nam Mô Thiện Du Bộ Phật**

NAMO ENCOMPASSING ADORNMENTS AND MERIT AND VIRTUE  
BUDDHA

**NÁ MÓ ZHŌU ZĀ ZHUĀNG YÁN GŌNG DÉ FÓ**

南無周帀莊嚴功德佛

**Nam Mô Châu Tráp Trang Nghiêm Công Đức Phật**

NAMO PRECIOUS FLOWER TRAVELING BUDDHA

**NÁ MÓ BǎO HUÁ YÓU BÙ FÓ**

南無寶華遊步佛

**Nam Mô Bảo Hoa Du Bộ Phật**



NAMO KING PRECIOUS LOTUS SKILLFULLY DWELLING BENEATH THE  
SALA TREE BUDDHA

**NÁ MÓ BẢO LIÁN HUÁ SHÀN ZHÙ SUŌ LUÓ**  
南無寶蓮華善住娑羅

**SHÙ WÁNG FÓ**  
樹王佛

**Nam Mô Bảo Liên Hoa Thiện Trụ Ta La Thọ Vương Phật**

NAMO AMITA BUDDHA, WHOSE BODY IS THE TREASURY OF THE  
DHARMA REALM

**NÁ MÓ Fǎ JIÈ Zàng SHĒN Ē MÍ TUÓ FÓ**  
南無法界藏身阿彌陀佛

**Nam Mô Pháp Giới Tạng Thân A Di Đà Phật**

AND ALL OTHER BUDDHAS LIKE THEM, WORLD HONORED ONES OF ALL  
WORLDS, WHO DWELL IN THE WORLD FOREVER.

**RÚ SHÌ DĒNG, YÍ QIÈ SHÌ JIÈ,**  
如是等◎，一切世界，

**ZHŪ FÓ SHÌ ZŪN, CHÁNG ZHÙ ZÀI SHÌ.**  
諸佛世尊，常住在世。

**Như thị đẳng, nhất thiết thế giới, chư Phật Thế Tôn,**  
**thường trú tại thế.**

MAY ALL THE WORLD HONORED ONES KINDLY BE MINDFUL OF ME AS I  
REPENT OF ALL THE OFFENSES I HAVE COMMITTED IN THIS LIFE AND IN  
FORMER LIVES,

**SHÌ ZHŪ SHÌ ZŪN, DĀNG CÍ NIÀN Wǒ,**  
是諸世尊，當慈念我，

**RUÒ Wǒ Cǐ SHĒNG, RUÒ Wǒ QIÁN SHĒNG,**  
若我此生，若我前生，

**Thị chư Thế Tôn, đương từ niệm ngã, nhược ngã thử**  
**sanh, nhược ngã tiền sanh,**

THROUGHOUT BIRTHS AND DEATHS WITHOUT BEGINNING,  
**CÓNG WÚ SHǐ SHĒNG Sǐ Yǐ LÁI, SUǒ ZUÒ ZHÒNG ZUÌ,**  
從無始生死以來，所作衆罪，  
**Tòng vô thǐ sanh tử dĩ lai, sở tác chúng tội,**

WHETHER I HAVE DONE THEM MYSELF, TOLD OTHERS TO DO THEM, OR  
CONDONED THEIR BEING DONE,

**RUÒ ZÌ ZUÒ, RUÒ JIÀO TĀ ZUÒ, JIÀN ZUÒ SUÍ Xǐ,**  
若自作，若教他作，見作隨喜，  
**Nhược tự tác, nhược giáo tha tác, kiến tác tùy hỉ,**

SUCH AS TAKING THINGS FROM STUPAS, FROM A SANGHAN, OR FROM  
THE SANGHA OF THE FOUR DIRECTIONS,

**RUÒ Tǎ, RUÒ SĒNG, RUÒ SÌ FĀNG SĒNG WÙ,**  
若塔，若僧，若四方僧物。  
**Nhược tháp, nhược Tăng, nhược tứ phương Tăng vật,**

EITHER TAKING THEM MYSELF, TELLING OTHERS TO TAKE THEM, OR  
CONDONING THEIR BEING TAKEN;

**RUÒ ZÌ Qǔ, RUÒ JIÀO TĀ Qǔ, JIÀN Qǔ SUÍ Xǐ;**  
若自取，若教他取，見取隨喜。  
**Nhược tự thủ, nhược giáo tha thủ, kiến thủ tùy hỉ;**

OR COMMITTING THE FIVE AVICI OFFENSES, EITHER COMMITTING  
THEM MYSELF,

**Wǔ WÚ JIĀN ZUÌ, RUÒ ZÌ ZUÒ,**  
五無間罪，若自作，  
**Ngũ vô gián tội, nhược tự tác,**

TELLING OTHERS TO COMMIT THEM, OR CONDONING THEIR BEING  
COMMITTED;

**RUÒ JIÀO TĀ ZUÒ, JIÀN ZUÒ SUÍ Xǐ;**  
若教他作，見作隨喜。  
**Nhược giáo tha tác, kiến tác tùy hỉ;**

OR COMMITTING THE TEN EVILS, EITHER COMMITTING THEM MYSELF,  
TELLING OTHER TO COMMIT THEM, OR CONDONING THEIR BEING  
COMMITTED;

**SHÍ BÚ SHÀN DÀO, RUÒ ZÌ ZUÒ,**  
十不善道，若自作，

**RUÒ JIÀO TĀ ZUÒ, JIÀN ZUÒ SUÍ Xǐ;**  
若教他作，見作隨喜；

**Thập bất thiện đạo, nhược tự tác, nhược giáo tha tác,  
kiến tác tùy hỉ;**

ALL SUCH OBSTRUCTING OFFENSES, WHETHER HIDDEN OR NOT,  
WHICH MERIT MY FALLING INTO THE HELLS OR AMONG THE HUNGRY  
GHOSTS OR ANIMALS OR ANY OTHER EVIL DESTINY, OR INTO A LOWLY  
LIFE, A LIFE IN THE BORDER REGIONS, OR A LIFE AS A MELECCHA;

**SUǒ ZUÒ ZUÌ ZHÀNG, HUÒ YǒU FÚ CÁNG,**  
所作罪障，或有覆藏，

**HUÒ BÚ FÙ CÁNG. YĪNG DUÒ DÌ YÙ,**  
或不覆藏。應墮地獄，

**È GǔI CHÙ SHĒNG, ZHŪ YÚ È QÙ,**  
餓鬼畜生，諸餘惡趣，

**BIĀN DÌ XIÀ JIÀN, JÍ MIÈ LÌ CHĒ,**  
邊地下賤，及蔑戾車，

**Sở tác tội chướng, hoặc hữu phú tàng, hoặc bất phú  
tàng. Ưng đọa địa ngục, ngã quỷ súc sanh, chư dư ác  
thú, Biên địa hạ tiện, cập miệt lệ xa,**

I NOW REPENT OF AND REFORM ALL THE OBSTRUCTING OFFENSES I'VE  
COMMITTED.

**RÚ SHÌ DĚNG CHÙ, SUǒ ZUÒ ZUÌ ZHÀNG,**  
如是等處，所作罪障，

**JĪN JIĒ CHÀN HUǐ.**  
今皆懺悔。

**Như thị đẳng xứ, sở tác tội chướng, kim giai sám hối.**

NOW MAY ALL THE BUDDHAS, WORLD HONORED ONES, CERTIFY ME;  
MAY THEY BE MINDFUL OF ME.

**JĪN ZHŪ FÓ SHÌ ZŪN, DĀNG ZHÈNG ZHĪ WŌ,**  
今諸佛世尊，當證知我，

**DĀNG YÌ NIÀN WŌ.**  
當憶念我。

**Kim chư Phật Thế Tôn, đương chứng tri ngã, đương ức  
niệm ngã.**

BEFORE ALL THE BUDDHAS, WORLD HONORED ONES, I FURTHER SPEAK  
THESE WORDS:

**WŌ FÙ YÚ ZHŪ FÓ SHÌ ZŪN QIÁN, ZUÒ RÚ SHÌ YÁN:**  
我復於諸佛世尊前，作如是言：

**Ngã phục ư chư Phật, Thế Tôn tiền, tác như thị ngôn:**

ANY GOOD ROOTS THAT I HAVE GAINED IN THIS LIFE, OR IN PAST LIVES,  
THROUGH GIVING, THROUGH GUARDING PRECEPTS,

**RUÒ WŌ Cǐ SHĒNG, RUÒ WŌ YÚ SHĒNG,**  
若我此生，若我餘生，

**CÉNG XÍNG BÚ SHĪ, HUÒ SHŌU JÌNG JIÈ,**  
曾行布施，或守淨戒，

**Nhược ngã thử sanh, nhược ngã dư sanh, tăng hành bố  
thí, hoặc thủ tịnh giới,**

SIMPLY THROUGH GIVING A MORSEL OF FOOD TO AN ANIMAL, OR  
THROUGH CULTIVATING PURE CONDUCT,

**NĀI ZHÌ SHĪ YŪ CHÙ SHĒNG, YĪ TUÁN ZHĪ SHÍ,**  
乃至施與畜生，一搏之食，

**HUÒ XIŪ JÌNG HÈNG,**  
或修淨行，

**Nāi chí thí dĩ súc sanh, nhất đoàn chi thực, hoặc tu  
tịnh hạnh,**

ANY GOOD ROOTS FROM BRINGING LIVING BEINGS TO  
ACCOMPLISHMENT,

**SUǒ Yǒu shàn gēn, chéng jiù zhòng shēng,**  
所有善根，成就衆生，

**Sở hữu thiện căn, thành tựu chúng sanh,**

ANY GOOD ROOTS FROM CULTIVATING BODHI

**SUǒ Yǒu shàn gēn, xiū xíng pú tí,**  
所有善根，修行菩提，

**sở hữu thiện căn, tu hạnh Bồ Đề,**

AND ANY GOOD ROOTS FROM ATTAINING SUPREME WISDOM,

**SUǒ Yǒu shàn gēn, jí wú shàng zhì,**  
所有善根，及無上智，

**Sở hữu thiện căn, cập vô thượng trí,**

ALL OF THEM, ACCUMULATED AND RECKONED UP THROUGHOUT MY  
LIFESPANS,

**SUǒ Yǒu shàn gēn, yí qiè hé jí,**  
所有善根，一切合集，

**JIÀO JÌ CHÓU LIÀNG,**  
校計籌量，

**Sở hữu thiện căn, nhất thiết hiệp tập, giáo kế trừ  
lượng,**

I TRANSFER TO ANNUTARA-SAMYAK-SAMBODHI.

**JIĒ XĪ HUÍ XIÀNG Ē NÒU DUŌ LUÓ**  
皆悉迴向阿耨多羅

**SĀN MIǎO SĀN PÚ TÍ.**  
三藐三菩提。

**Giai tất hồi hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.**

MY TRANSFERENCE IS LIKE THE TRANSFERENCES MADE BY ALL THE BUDDHAS OF THE PAST, PRESENT, AND FUTURE.

**RÚ GUÒ QÙ WÈI LÁI, XIÀN ZÀI ZHŪ FÓ,**  
如過去未來，現在諸佛，

**SUǒ ZUÒ HUÍ XIÀNG, Wǒ YÌ RÚ SHÌ HUÍ XIÀNG.**  
所作迴向，我亦如是迴向。

**Như quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật, sở tác hồi hướng, ngã diệc như thị hồi hướng.**

I REPENT OF AND REFORM EVERY OFFENSE, COMPLIANTLY REJOICE IN ALL BLESSINGS,

**ZHÒNG ZUÌ JIĒ CHÀN HUǏ, ZHŪ FÚ Jìn SUÍ XǏ.**  
眾罪皆懺悔◎，諸福盡隨喜，

**Chúng tội giai sám hối, chư phước tận tùy hi.**

SEEK THE BUDDHA'S MERIT AND VIRTUE, AND VOW TO ACCOMPLISH THE UNSURPASSED WISDOM.

**JÍ QǐNG FÓ GŌNG DÉ, YUÀN CHÉNG WÚ SHÀNG ZHÌ.**  
及請佛功德，願成無上智。

**Cập thỉnh Phật công đức, nguyện thành vô thượng trí.**

TO ALL BUDDHAS OF PAST AND PRESENT, SUPREME AMONG LIVING BEINGS,

**QÙ LÁI XIÀN ZÀI FÓ, YÚ ZHÒNG SHĒNG ZUÌ SHÈNG.**  
去來現在佛，於眾生最勝，

**Khứ lai hiện tại Phật, ư chúng sanh tối thắng.**

WITH SEAS OF INFINITE MERIT AND VIRTUE, I NOW RETURN MY LIFE IN WORSHIP.

**WÚ LIÀNG GŌNG DÉ HǎI,**  
無量功德海，

**Wǒ JĪN GUĪ MÌNG Lǐ.**  
我今皈命禮。

**Vô lượng công đức hải, ngã kim quy mệnh lễ.**

THROUGHOUT THE WORLDS IN THE TEN DIRECTIONS, BEFORE ALL  
LIONS AMONG MEN IN THE PAST, IN THE PRESENT, AND ALSO IN THE  
FUTURE,

**SUǒ YǒU SHÍ FĀNG SHÌ JIÈ ZHŌNG,**

所有十方世界中◎，

**SĀN SHÌ YÍ QIÈ RÉN SHĪ Zǐ**

三世一切人師子

**Sở hữu thập phương thế giới trung, tam thế nhất thiết  
nhân sư tử**

WITH BODY, MOUTH, AND MIND ENTIRELY PURE, I BOW BEFORE THEM  
ALL, OMITTING NONE.

**Wǒ Yǐ QīNG JìNG SHĒN Yǔ Yì,**

我以清淨身語意，

**YÍ QIÈ BIÀN Lǐ Jìn WÚ YÚ.**

一切徧禮盡無餘。

**Ngã dĩ thanh tịnh thân ngữ ý, nhất thiết biến lễ tận vô  
dư.**

WITH THE AWESOME SPIRITUAL POWER OF SAMANTABHADRA'S  
VOWS,

**Pǔ Xián HèNG Yuàn Wēi Shén Lì,**

普賢行願威神力，

**Phổ Hiền hạnh nguyện uy thần lực,**

I APPEAR AT THE SAME TIME BEFORE EVERY THUS COME ONE,

**Pǔ Xiàn YÍ QIÈ Rú Lái Qián,**

普現一切如來前，

**phổ hiện nhất thiết Như Lai tiền,**

AND IN TRANSFORMED BODIES AS MANY AS MOTES OF DUST IN  
LANDS,

**Yī Shēn Fù Xiàn Chà Chén Shēn,**

一身復現剎塵身，

**Nhất thân phục hiện sát trần thân,**

BOW TO BUDDHAS AS MANY AS MOTES OF DUST IN LANDS,

**YĪ YĪ BIÀN Lǐ CHÀ CHÉN FÓ.**

一一徧禮刹塵佛。

**nhất nhất biến lễ sát trần Phật.**

IN EVERY MOTE OF DUST ARE BUDDHAS AS MANY AS MOTES OF DUST,  
EACH DWELLING AMID A HOST OF BODHISATTVAS.

**YÚ YĪ CHÉN ZHŌNG CHÉN SHÙ FÓ,**

於一塵中塵數佛，

**GÈ CHÙ PÚ SÀ ZHÒNG HUÌ ZHŌNG.**

各處菩薩衆會中。

**Ư nhất trần trung trần số Phật, các xứ Bồ Tát chúng hội trung.**

THROUGHOUT MOTES OF DUST IN ENDLESS DHARMA REALMS, IT IS  
THE SAME: I DEEPLY BELIEVE THEY ARE FILLED WITH BUDDHAS.

**WÚ Jìn Fǎ Jiè Chén Yì Rán,**

無盡法界塵亦然，

**SHÈN Xìn Zhū Fó Jiē Chōng Mǎn.**

深信諸佛皆充滿。

**Vô tận pháp giới trần diệc nhiên, thâm tín chư Phật giai sung mãn.**

WITH SEA OF EACH AND EVERY SOUND, I EVERYWHERE LET FALL  
WORDS AND PHRASES, WONDERFUL AND ENDLESS,

**GÈ Yǐ Yí Qiè Yīn Shēng Hǎi,**

各以一切音聲海，

**Pǔ Chū Wú Jìn Miào Yán Cí.**

普出無盡妙言辭

**Các dĩ nhất thiết âm thanh hải, phổ xuất vô tận diệu ngôn từ.**



WHICH EXHAUST ALL KALPAS OF THE FUTURE, AND PRAISE THE WIDE,  
DEEP SEA OF BUDDHAS' MERIT AND VIRTUE.

**JÌN YÚ WÈI LÁI YÍ QIÈ JIÉ,**  
盡於未來一切劫，

**ZÀN FÓ SHÈN SHÈN GŌNG DÉ HǍI.**  
讚佛甚深功德海。

**Tận ư vị lai nhất thiết kiếp, tán Phật thậm thâm công  
đức hải.**

FLOWER GARLANDS SUPREME AND WONDERFUL, MUSIC, PERFUMES,  
PARASOLS, AND CANOPIES,

**YǏ ZHŪ ZUÌ SHÈNG MIÀO HUÁ MÁN,**  
以諸最勝妙華鬘，

**JÌ YUÈ TÚ XIĀNG JÍ SǍN GÀI,**  
伎樂塗香及傘蓋，

**Dĩ chư tối thắng diệu hoa man, kỹ nhạc đồ hương cập  
tán cái,**

AND OTHER DECORATIONS RICH AND RARE, I OFFER UP TO EVERY THUS  
COME ONE,

**RÚ SHÌ ZUÌ SHÈNG ZHUĀNG YÁN JÙ,**  
如是最勝莊嚴具，

**WŌ YǏ GÒNG YÀNG ZHŪ RÚ LÁI,**  
我以供養諸如來，

**Như thị tối thắng trang nghiêm cụ, ngã dĩ cúng dường  
chư Như Lai,**

FINE CLOTHING, SUPERIOR INCENSE, POWDERED AND BURNING  
INCENSE, LAMPS AND CANDLES,

**ZUÌ SHÈNG YĪ FÚ, ZUÌ SHÈNG XIĀNG,**  
最勝衣服，最勝香，

**MÒ XIĀNG SHĀO XIĀNG YǏ DÈNG ZHÚ,**  
末香燒香與燈燭

**Tối thắng y phục, tối thắng hương, mật hương thiêu  
hương dĩ đăng chúc,**

EACH ONE HEAPED AS HIGH AS WONDERFULLY HIGH MOUNTAIN, I  
OFFER COMPLETELY TO ALL TATHAGATAS.

**YĪ YĪ JIĒ RÚ MIÀO GĀO JÙ,**  
一一皆如妙高聚，

**Wǒ Xī Gòng Yàng Zhū Rú Lái.**  
我悉供養諸如來。

**Nhật nhất giai như diêu cao tụ, ngã tất cúng dường  
chư Như Lai.**

WITH A VAST, GREAT, SUPREMEY LIBERATED MIND, I BELIEVE IN ALL  
THE BUDDHAS OF THE THREE PERIODS OF TIME.

**Wǒ Yǐ Guǎng Dà Shèng Jiě Xīn,**  
我以廣大勝解心，

**Shēn Xìn Yí Qiè Sān Shì Fó.**  
深信一切三世佛。

**Ngã dĩ quảng đại thắng giải tâm, thâm tín nhất thiết  
Tam thế Phật.**

WITH THE STRENGTH OF SAMANTABHADRA'S CONDUCT AND VOWS, I  
MAKE OFFERINGS TO ALL THE THUS COME ONES EVERYWHERE.

**Xī Yǐ Pǔ Xián Hèng Yuàn Lì,**  
悉以普賢行願力，

**Pǔ Biàn Gòng Yàng Zhū Rú Lái.**  
普徧供養諸如來。

**Tất dĩ Phổ Hiền hạnh nguyện lực, phổ biến cúng dường  
chư Như Lai.**

FOR ALL THE EVIL DEEDS I HAVE DONE IN THE PAST BASED ON  
BEGINNINGLESS GREED, ANGER, AND DELUSION,

**Wǒ Xī Suǒ Zào Zhū È Yè,**  
我昔所造諸惡業◎，

**Jiē Yóu Wú Shǐ Tān Chèn Chí,**  
皆由無始貪瞋癡

**Ngã tích sở tạo chư ác nghiệp, giai do vô thi tham sân  
si,**

AND CREATES BY BODY, SPEECH, AND MIND, I NOW KNOW SHAME AND  
REPENT THEM ALL.

**CÓNG SHĒN Yǔ Yì zhī suǒ shēng,**  
從身語意之所生，

**YÍ QIÈ Wǒ jīn jiē chàn huǐ.**  
一切我今皆懺悔。

**Tòng thân ngữ ý chi sở sanh, nhất thiết ngã kim giai  
sám hối.**

OF ALL BEINGS IN THE TEN DIRECTIONS,

**SHÍ FĀNG YÍ QIÈ zhū zhòng shēng,**  
十方一切諸衆生，

**Thập phương nhất thiết chư chúng sanh,**

THE LEARNERS AND THOSE PAST STUDY IN THE TWO VEHICLES, AND  
ALL THE THUS COME ONES AND BODHISATTVAS, I REJOICE IN ALL  
THEIR MERIT AND VIRTUES.

**ÈR SHÈNG Yǒu xué jí wú xué,**  
二乘有學及無學，

**YÍ QIÈ RÚ lái yǔ pú sà,**  
一切如來與菩薩，

**SUǒ Yǒu gōng dé jiē suí xǐ.**  
所有功德皆隨喜。

**Nhị thừa hữu học cập vô học, nhất thiết Như Lai dĩ Bồ  
Tát, sở hữu công đức giai tùy hỉ.**

BEFORE THE LAMPS OF THE WORLDS OF THE TEN DIRECTIONS, THOSE  
WHO FIRST ACCOMPLISHED BODHI,

**SHÍ FĀNG SUǒ Yǒu shì jiān dēng,**  
十方所有世間燈，

**ZUì chū chéng jiù pú tí zhě,**  
最初成就菩提者，

**Thập phương sở hữu thế gian đặng, tối sơ thành tựu  
Bồ Đề giả,**

I NOW REQUEST AND BESEECH THEM ALL TO TURN THE FOREMOST,  
WONDROUS DHARMA WHEEL.

**WŌ JĪN YÍ QÌÈ JIĒ QUÀN QǏNG,**  
我今一切皆勸請，

**ZHUǍN YÚ WÚ SHÀNG MIÀO FǍ LÚN.**  
轉於無上妙法輪。

**Ngã kim nhất thiết giai khuyến thỉnh, chuyển ư vô  
thượng diệu Pháp Luân.**

IF THERE ARE BUDDHAS WHO WISH FOR NIRVANA, I REQUEST WITH  
DEEP SINCERITY,

**ZHŪ FÓ RUÒ YÙ SHÌ NIÈ PÁN,**  
諸佛若欲示涅槃，

**WŌ XĪ ZHÌ CHÉNG ÉR QUÀN QǏNG,**  
我悉至誠而勸請，

**Chư Phật nhược dục thị Niết Bàn, ngã tất chí thành nhi  
khuyến thỉnh,**

THAT THEY DWELL IN THE WORLD FOR AS MANY KALPAS AS THERE ARE  
DUST MOTES IN KSHETRAS TO BRING BENEFIT AND BLISS TO EVERY  
BEING.

**WÉI YUÀN JǏU ZHÙ CHÀ CHÉN JIÉ,**  
惟願久住剎塵劫，

**LÌ LÈ YÍ QÌÈ ZHŪ ZHÒNG SHĒNG.**  
利樂一切諸衆生。

**Duy nguyện cứu trụ sát trần kiếp, lợi lạc nhất thiết chư  
chúng sanh.**

ALL GOOD ROOTS FROM WORSHIPING, PRAISING, AND MAKING  
OFFERINGS TO BUDDHAS,

**SUŌ YŌU LǏ ZÀN GÒNG YÀNG FÓ,**  
所有禮讚供養佛，

**Sở hữu lễ tán cúng dường Phật,**

FROM REQUESTING THAT BUDDHAS DWELL IN THE WORLD TO TURN  
THE DHARMA WHEEL,

**QǐNG FÓ ZHÙ SHÌ ZHUǎN Fǎ LÚN.**

請佛住世轉法輪。

**thỉnh Phật trụ thế chuyển Pháp Luân.**

FROM COMPLIANTLY REJOICING, FROM REPENTING AND REFORMING,  
I TRANSFER TO ALL LIVING BEINGS' ATTAINING THE BUDDHA'S WAY.

**SUÍ Xǐ CHÀN HUǐ ZHŪ SHÀN GĒN,**

隨喜懺悔諸善根，

**HUÍ XIÀNG ZHÒNG SHÈNG JÍ FÓ DÀO.**

迴向衆生及佛道◎。

**Tùy hỉ sám hối chư thiện căn, hồi hướng chúng sanh  
cập Phật Đạo.**

MAY THIS SUPREME MERIT AND VIRTUE, BE TRANSFERRED  
THROUGHOUT THE UNSURPASSED TRUE DHARMA REALM.

**YUÀN JIĀNG Yǐ Cǐ SHÈNG GŌNG DÉ,**

願將以此勝功德，

**HUÍ XIÀNG WÚ SHÀNG ZHĒN Fǎ JIÈ.**

迴向無上真法界。

**Nguyện tương dĩ thử thắng công đức, hồi hướng vô  
thượng chân Pháp giới.**

TO THE NATURE AND APPEARANCE OF THE BUDDHA, DHARMA, AND  
SANGHA, THESE TWO TRUTHS ARE FUSED AND UNDERSTOOD BY THE  
IMPRESS OF SAMADHI'S SEA.

**XÌNG XIÀNG FÓ Fǎ JÍ SĒNG QIÉ,**

性相佛法及僧伽，

**ÈR DÌ RÓNG TŌNG SĀN MÈI YÌN.**

二諦融通三昧印。

**Tính tướng Phật, Pháp cập Tăng già, nhị đế dung thông  
tam muội ấn.**

OF ALL SUCH INFINITE SEAS OF MERIT AND VIRTUE, I NOW MAKE COMPLETE TRANSFERENCE.

**RÚ SHÌ WÚ LIÀNG GŌNG DÉ HǎI,**  
如是無量功德海，

**WŌ JĪN JĪE XĪ Jìn HUÍ XIÀNG.**  
我今皆悉盡迴向。

**Như thị vô lượng công đức hải, Ngã kim giai tất tận hồi hướng.**

MAY ALL THE KARMIC OBSTRUCTION OF LIVING BEINGS' BODY, MOUTH, AND MIND: VIEW DELUSIONS, FALSE ACCUSATIONS, SELF, DHARMAS, AND SO FORTH...,

**SUŌ YŌU ZHŌNG SHĒNG SHĒN KŌU Yì,**  
所有衆生身口意，

**Jiàn HUÒ TÀN BÀNG WŌ Fǎ DĒNG,**  
見惑彈謗我法等，

**Sở hữu chúng sanh thân khẩu ý, kiến hoặc đàn báng ngã pháp đẳng,**

BE ENTIRELY EXTINGUISHED WITHOUT REMAINDER.

**RÚ SHÌ YÍ QIÈ ZHŪ YÈ ZHàng,**  
如是一切諸業障，

**XĪ JĪE XIĀO MIÈ Jìn WÚ YÚ.**  
悉皆消滅盡無餘。

**Như thị nhất thiết chư nghiệp chướng, tất giai tiêu diệt tận vô dư.**

IN EVERY THOUGHT MAY MY WISDOM ENCOMPASS THE DHARMA REALM

**NIàn NIàn Zhì Zhōu Yú Fǎ Jiè,**  
念念智周於法界，

**Niệm niệm trí chu ư Pháp giới,**

AND WIDELY CROSS OVER LIVING BEINGS TO IRREVERSIBILITY,

**GUǎNG DÙ ZHÒNG SHÈNG JIÈ BÚ TUÌ,**

廣度衆生皆不退◎，

**quǎng độ chúng sanh giai bất thối,**

TILL THE EXHAUSTION OF THE REALM OF EMPTY SPACE,

**Nǎi zhì xū kōng shì jiè jìn,**

乃至虛空世界盡，

**Nài chí hư không thế giới tận,**

AND THE EXHAUSTION OF LIVING BEINGS, OF KARMA AND AFFLICTIONS.

**ZHÒNG SHÈNG JÍ YÈ FÁN NǎO Jìn.**

衆生及業煩惱盡。

**chúng sanh cập nghiệp phiền não tận.**

JUST AS THESE FOUR DHARMAS ARE VAST AND BOUNDLESS,

**RÚ SHÌ SÌ Fǎ GUǎNG WÚ BIĀN,**

如是四法廣無邊，

**Như thị tứ pháp quǎng vô biên,**

I NOW VOW THAT MY TRANSFERENCE WILL BE SO, TOO.

**YUÀN Jīn HUÍ XIÀNG Yì RÚ SHÌ.**

願今迴向亦如是。

**Nguyện kim hồi hướng diệc như thị.**

NAMO UNIVERSAL WORTHY, BODHISATTVA OF GREAT CONDUCT. (3x)

**NÁ MÓ DÀ HÈNG PŪ XIÁN PÚ SÀ.**

南無◎<sub>3</sub>大行普賢菩薩◎<sub>1,3</sub> ° (3x)

**Nam Mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát. (3x)**

# Meng Shan Offering Ceremony

MÉNG SHĀN SHĪ SHÍ YÍ

蒙山施食儀

Mông Sơn Thí Thực Nghi

- IF THE PEOPLE WISH TO FULLY UNDERSTAND ALL BUDDHAS OF THE THREE PERIODS OF TIME, THEY SHOULD CONTEMPLATE THE NATURE OF THE DHARMA REALM EVERYTHING IS MADE FROM MIND ALONE. (3x)

**RUÒ RÉN YÙ LIǎO ZHĪ**

若人欲了知

**SĀN SHÌ YÍ QIÈ FÓ**

三世一切佛◎<sub>1,3</sub>

**YĪNG GUĀN Fǎ JIÈ XÌNG**

應觀法界性

**YÍ QIÈ WÉI XĪN ZÀO.**

一切唯心造◎<sub>3</sub> ° (3x)

**Nhược nhân dục liễu tri, Tam thế nhất thiết Phật,  
Ứng quán pháp giới tính, Nhất thiết duy tâm tạo.**

(3x)

- HELL-SMASHING TRUE WORDS

**PÒ DÌ YÙ ZHĒN YÁN**

破地獄真言

**PHÁ ĐỊA NGỤC CHÂN NGÔN**

**NÁN, QIÈ LÀ DÌ YÉ SUŌ PÓ HĒ. (3x)**

唵伽囉帝耶娑婆訶 ° (3x)

**Án già ra đễ da Ta bà ha. (3x)**



▶ UNIVERSAL INVITATION TRUE WORDS

**Pŭ Zhào Qǐng Zhēn Yán**

普召請真言

**PHỔ TRIỆU THỈNH CHÂN NGÔN**

**NÁ MÓ BÙ BÙ DÌ LÌ**

南無部部帝唎

**QIÉ Lǐ DUŌ Lǐ**

伽哩哆哩

**DÁN DUŌ YÈ DUŌ YÉ** (3x)

怛哆譏哆耶 (3x)

**Nam Mô bộ bộ đế rị già lị đa lị. Đát đa nga đa da.** (3x)

▶ UNTYING THE KNOT OF HATRED TRUE WORDS

**Jiě Yuàn Jié Zhēn Yán**

解怨結真言

**GIẢI OAN KẾT CHÂN NGÔN**

**NÁN. SĀN TUÓ LÀ. QIÉ TUÓ SUŌ PÓ HĒ.** (3x)

唵。三陀囉。伽陀娑婆訶◎<sub>3</sub>。 (3x)

**Án. Tam đá ra. Già đà ta bà ha.** (3x)

▶ HOMAGE TO THE GREAT MEANS EXPANSIVE BUDDHA FLOWER  
ADORNMENT SUTRA. (*Palms together*) (3x)

**NÁ MÓ DÀ FĀNG GUǎNG FÓ HUÁ YÁN JĪNG.**

南無大方廣佛華嚴經。 (合掌) (3x)

**Nam Mô Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh.**

(*Hợp chưởng*) (3x)

- HOMAGE TO THE ETERNALLY DWELLING BUDDHAS OF THE TEN DIRECTIONS. HOMAGE TO THE ETERNALLY DWELLING DHARMA OF THE TENDIRECTIONS. HOMAGE TO THE ETERNALLY DWELLING SANGHA OF THE TEN DIRECTIONS. HOMAGE TO OUR FUNDAMENTAL TEACHER SHAKYAMUNI BUDDHA. HOMAGE TO GREATLY COMPASSIONATE CONTEMPLATOR OF THE WORLDS' SOUNDS BODHISATTVA. HOMAGE TO EARTH STORE KING BODHISATTVA, WHO RESCUES THE LIVING AND THE DEAD FROM SUFFERING. HOMAGE TO THE VENERABLE ANANDA WHO STARTED THE TEACHING. (3x)

**NÁ MÓ CHÁNG ZHÙ SHÍ FĀNG FÓ.**

南無常住十方佛。

**NÁ MÓ CHÁNG ZHÙ SHÍ FĀNG FĀ.**

南無常住十方法。

**NÁ MÓ CHÁNG ZHÙ SHÍ FĀNG SÈNG.**

南無常住十方僧。

**NÁ MÓ BĒN SHĪ SHÌ JIĀ MÓU NÍ FÓ.**

南無本師釋迦牟尼佛。

**NÁ MÓ DÀ BĒI GUĀN SHÌ YĪN PÚ SÀ.**

南無大悲觀世音菩薩。

**NÁ MÓ MÍNG YÁNG JIÙ Kǔ DÌ ZÀNG WÁNG PÚ SÀ.**

南無冥陽救苦地藏王菩薩。

**NÁ MÓ Qǐ JIÀO Ē NÁN TUÓ ZŪN ZHĒ.**

南無啓教阿難陀尊者◎<sub>3</sub>。 (3x)

**Nam Mô thường trụ thập phương Phật. Nam Mô thường trụ thập phương Pháp. Nam Mô thường trụ thập phương Tăng. Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Phật. Nam Mô đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát. Nam Mô minh dương cứu khổ Địa Tạng Vương Bồ Tát. Nam Mô khai giáo A Nan Đà tôn giả. (3x)**

- I TAKE REFUGE WITH THE BUDDHA, I TAKE REFUGE WITH THE DHARMA, I TAKE REFUGE WITH THE SANGHA. I TAKE REFUGE WITH THE BUDDHA, THE DOUBLY PERFECTED HONORED ONE. I TAKE REFUGE WITH THE DHARMA, WHICH IS HONORABLE AND APART FROM DESIRE. I TAKE REFUGE WITH THE SANGHA, THE HONORED AMONG ASSEMBLIES. I HAVE COMPLETELY TAKEN REFUGE WITH THE BUDDHA, HAVE COMPLETELY TAKEN REFUGE WITH THE DHARMA, HAVE COMPLETELY TAKEN REFUGE WITH THE SANGHA. (3x)

**GUĪ YĪ FÓ, GUĪ YĪ Fǎ, GUĪ YĪ SÈNG.**

皈 依 佛 ， 皈 依 法 ， 皈 依 僧 。

**GUĪ YĪ FÓ, LIǎNG ZÚ ZŪN.**

皈 依 佛 ， 兩 足 尊 。

**GUĪ YĪ Fǎ, LÍ YÙ ZŪN.**

皈 依 法 ， 離 欲 尊 。

**GUĪ YĪ SÈNG, ZHÒNG ZHŌNG ZŪN.**

皈 依 僧 ， 衆 中 尊 。

**GUĪ YĪ FÓ JÌNG, GUĪ YĪ Fǎ JÌNG,**

皈 依 佛 竟 ， 皈 依 法 竟 ，

**GUĪ YĪ SÈNG JÌNG.**

皈 依 僧 竟 。

**Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Quy y Phật, lưỡng túc tôn. Quy y Pháp, ly dục tôn. Quy y Tăng, chúng trung tôn. Quy y Phật cánh, quy y Pháp cánh, quy y Tăng cánh. (3x)**

- ▶ {DISCIPLES OF THE BUDDHA} THE EVIL KARMA, WHICH YOU HAVE CREATED, IS ALL BECAUSE OF BEGINNINGLESS GREED, HATRED AND STUPIDITY, WHICH HAS BEEN PRODUCED IN BODY, MOUTH AND MIND, {DISCIPLES OF THE BUDDHA } REPENT OF IT ALL.

**{FÓ Zǐ} SUǒ ZÀO ZHŪ È YÈ,**  
**{佛子} 所造諸惡業，**

**JIĒ YÓU WÚ SHǐ TĀN CHĒN CHĪ,**  
**皆由無始貪瞋癡，**

**CÓNG SHĒN Yŭ Yì ZHĪ SUǒ SHĒNG,**  
**從身語意之所生，**

**YÍ QIÈ {FÓ Zǐ} JIĒ CHÀN HUǐ.**  
**一切 {佛子} 皆懺悔。**

**{Phật tử} sở tạo chư ác nghiệp, Giai do vô thi  
tham sân si, Tùng thân ngữ ý chi sở sanh, Nhất  
thiết {Phật tử} giai sám hối.**

{SENTIENT BEINGS} THE EVIL KARMA, WHICH YOU HAVE CREATED, IS ALL BECAUSE OF BEGINNINGLESS GREED, HATRED AND STUPIDITY, WHICH HAS BEEN PRODUCED IN BODY, MOUTH AND MIND, {SENTIENT BEINGS} REPENT OF IT ALL.

**{YǒU QÍNG} SUǒ ZÀO ZHŪ È YÈ,**  
**{有情} 所造諸惡業，**

**JIĒ YÓU WÚ SHǐ TĀN CHĒN CHĪ,**  
**皆由無始貪瞋癡，**

**CÓNG SHĒN Yŭ Yì ZHĪ SUǒ SHĒNG,**  
**從身語意之所生，**

**YÍ QIÈ {YǒU QÍNG} JIĒ CHÀN HUǐ.**  
**一切 {有情} 皆懺悔。**

**{Hữu tình} sở tạo chư ác nghiệp, Giai do vô thi  
tham sân si, Tùng thân ngữ ý chi sở sanh, Nhất  
thiết {Hữu tình} giai sám hối.**

{SOLITARY SPIRITS} THE EVIL KARMA, WHICH YOU HAVE CREATED, IS ALL BECAUSE OF BEGINNINGLESS GREED, HATRED AND STUPIDITY, WHICH HAS BEEN PRODUCED IN BODY, MOUTH AND MIND, {SOLITARY SPIRITS} REPENT OF IT ALL.

**{GŪ HÚN} SUǒ ZÀO ZHŪ È YÈ,**  
**{孤魂} 所造諸惡業，**

**JIĒ YÓU WÚ SHǐ TĀN CHĒN CHĪ,**  
**皆由無始貪瞋癡，**

**CÓNG SHĒN YŪ YÌ ZHĪ SUǒ SHĒNG,**  
**從身語意之所生，**

**YÍ QIÈ {GŪ HÚN} JIĒ CHÀN HUǐ.**  
**一切 {孤魂} 皆懺悔。**

**{Cô hồn} sở tạo chư ác nghiệp, Giai do vô thí tham sân si, Tùng thân ngữ ý chi sở sanh, Nhất thiết {Cô hồn} giai sám hối.**

- ▶ LIVING BEINGS ARE LIMITLESS, I VOW TO CROSS THEM OVER. AFFLICTIONS ARE INEXHAUSTIBLE, I VOW TO CUT THEM OFF. DHARMA DOORS ARE IMMEASURABLE, I VOW TO LEARN THEM. THE BUDDHA PATH IS UNSURPASSED, I VOW TO REALIZE IT. (3x)

**ZHÒNG SHĒNG WÚ BIĀN SHÌ YUÀN DÙ.**  
**衆生無邊誓願度。**

**FÁN NǎO WÚ Jìn SHÌ YUÀN DUÀN.**  
**煩惱無盡誓願斷。**

**Fǎ MÉN WÚ LIÀNG SHÌ YUÀN XUÉ.**  
**法門無量誓願學。**

**FÓ DÀO WÚ SHàng SHÌ YUÀN CHÉNG.**  
**佛道無上誓願成。** (3x)

**Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ. Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn. Pháp môn vô lượng thệ nguyện học. Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.** (3x)

- ▶ THE LIVING BEINGS OF THE SELF NATURE, I VOW TO CROSS THEM OVER. THE AFFLICTIONS OF THE SELF NATURE, I VOW TO CUT THEM OFF. THE DHARMA DOORS OF THE SELF NATURE, I VOW TO LEARN. THE BUDDHA PATH OF THE SELF NATURE, I VOW TO REALIZE IT. (3x)

**ZÌ XÌNG ZHÒNG SHÈNG SHÌ YUÀN DÙ.**

自性衆生誓願度。

**ZÌ XÌNG FÁN NǎO SHÌ YUÀN DUÀN.**

自性煩惱誓願斷。

**ZÌ XÌNG Fǎ MÉN SHÌ YUÀN XUÉ.**

自性法門誓願學。

**ZÌ XÌNG FÓ DÀO SHÌ YUÀN CHÉNG.**

自性佛道誓願成◎<sub>3</sub> ° (3x)

**Tự tính chúng sinh thệ nguyện độ. Tự tính phiền não thệ nguyện đoạn. Tự tính pháp môn thệ nguyện học. Tự tính Phật đạo thệ nguyện thành. (3x)**

- ▶ EXTINGUISHING FIXED KARMA TRUE WORDS

**MIÈ DÌNG YÈ ZHÈN YÁN**

滅定業真言

**DIỆT ĐỊNH NGHIỆP CHÂN NGÔN**

**NÁN, BUÓ LÀ MÒ LÍN TUÓ NÍNG, SUŌ PÓ HĒ. (3x)**

唵。鉢囉末鄰陀顛。娑婆訶。(3x)

**Án, bát ra mạt lân đà nãnh, ta bà ha. (3x)**

- ▶ ERADICATING KARMIC OBSTACLES TRUE WORDS

**MIÈ YÈ ZHÀNG ZHÈN YÁN**

滅業障真言

**DIỆT NGHIỆP CHƯỚNG CHÂN NGÔN**

**NÁN, Ē LŪ LĒ JÌ. SUŌ PÓ HĒ. (3x)**

唵。阿嚕勒繼。娑婆訶。(3x)

**Án, A lô lạc kế, ta bà ha. (3x)**

▶ OPENING THE THROAT TRUE WORDS

**KĀI YĀN HÓU ZHĒN YÁN**

開咽喉真言

**KHAI YẾT HẦU CHÂN NGÔN**

**NÁN, BÙ BÙ DÌ Lǐ QÍÉ DUŌ Lǐ,**  
唵。步步底哩伽哆哩。

**DÁN DUŌ YÈ DUŌ YÉ** (3x)

怛哆譏哆耶。(3x)

**ÁN, bộ bộ đễ lị già đa lị, đát đa nga đa da.** (3x)

▶ SAMAYA PRECEPTS TRUE WORDS

**SĀN MÈI YÉ JÌÈ ZHĒN YÁN**

三昧耶戒真言

**TAM MUỘI DA GIỚI CHÂN NGÔN**

**NÁN, SĀN MÈI YÉ, SÀ DUỖ WĀN.** (3x)

唵。三昧耶。薩埵鍔。(3x)

**ÁN, tam muội da, tát đỏa noan.** (3x)

▶ TRANSFORMING THE FOOD TRUE WORDS

**BIÀN SHÍ SHUǐ ZHĒN YÁN**

變食水真言

**BIẾN THỰC CHÂN NGÔN**

**NÁ MÓ SÀ WĀ DÁ TUŌ YÈ DUŌ**

囊謨薩哇怛他夜多

**Nam-mô tát phạ đát tha**

**WĀ LŪ ZHĪ DÌ**

哇嚧枳帝

**nga đa phạ lồ chỉ đễ**

**NĀN**

唵

án

**SĀN BÓ LÀ SĀN BÓ LÀ**

三跋囉 三跋囉

**tam bậ ra tam bậ ra**

**HÔNG** (3x)

吽 (3x)

**hông** (3x)

▶ SWEET DEW TRUE WORDS

**GĀN LÙ SHUǏ ZHĒN YÁN**

甘露水真言

**CAM LỒ THỦY CHÂN NGÔN**

**NÁ MÓ SŪ LŪ PÓ YÉ**

囊謨蘇嚕婆耶

**Nam-mô tô rô bà da**

**DÁN TUŌ YÉ DUŌ YÉ**

怛他夜多耶

**đát tha nga đā da**

**DÁ ZHÍ TUŌ**

怛姪他

**đát điệt tha**

**NĀN**

唵

án



**SŪ LŪ SŪ LŪ**  
蘇嚕蘇嚕  
**tô rô tô rô**

**BÓ LÀ SŪ LŪ BÓ LÀ SŪ LŪ**  
鉢囉蘇嚕鉢囉蘇嚕  
**bát ra tô rô bát ra tô rô**

**SUŌ PÓ HĒ** (3x)  
娑婆訶 (3x)  
**ta bà ha** (3x)

▶ THE ONE CHARACTER WATER WHEEL TRUE WORDS

**YÍ ZÌ SHUǐ LÚN ZHĒN YÁN**  
一字水輪真言  
**NHẤT TỰ THỦY LUÂN CHÂN NGÔN**

**NÁN, WĀN WĀN WĀN WĀN WĀN.** (3x)  
唵。鍔鍔鍔鍔鍔。 (3x)  
**Án, noan noan noan noan noan.** (3x)

▶ MILK OCEAN TRUE WORDS

**RŪ HǎI ZHĒN YÁN**  
乳海真言  
**NHŪ HẢI CHÂN NGÔN**

**NÁ MÓ SĀN MǎN DUŌ, MÒ TÓU NÁN, NÁN, WĀN.** (3x)  
南無三滿哆。沒馱喃。唵。鍔◎<sub>3</sub>。 (3x)  
**Nam mô tam mǎn đa, mǎu đa nǎm, án, noan.** (3x)

- HOMAGE TO THE THUS COME ONE MANY JEWELS. HOMAGE TO THE THUS COME ONE JEWELED VICTORY. HOMAGE TO THE THUS COME ONE WONDROUS FORM. HOMAGE TO THE THUS COME ONE VAST AND EXTENSIVE BODY. HOMAGE TO THE THUS COME ONE APART FROM FEAR. HOMAGE TO THE THUS COME ONE SWEET DEW KING. HOMAGE TO THE THUS COME ONE AMITABHA.  
(3x)

**NÁ MÓ DUŌ BǎO RÚ LÁI**

南無多寶如來

**NÁ MÓ BǎO SHÈNG RÚ LÁI**

南無寶勝如來

**NÁ MÓ MIÀO SÈ SHĒN RÚ LÁI**

南無妙色身如來

**NÁ MÓ GUǎNG BÓ SHĒN RÚ LÁI.**

南無廣博身如來

**NÁ MÓ LÍ BÙ WÈI RÚ LÁI**

南無離怖畏如來

**NÁ MÓ GĀN LÙ WÁNG RÚ LÁI.**

南無甘露王如來

**NÁ MÓ Ē MÍ TUÓ RÚ LÁI.**

南無阿彌陀如來◎<sub>3</sub> (3x)

**Nam Mô Đa Bảo Như Lai. Nam Mô Bảo Thắng Như Lai. Nam Mô Diệu Sắc Thân Như Lai. Nam Mô Quảng Bác Thân Như Lai. Nam Mô Ly Bồ Úy Như Lai. Nam Mô Cam Lộ Vương Như Lai. Nam Mô A Di Đà Như Lai. (3x)**

- MANTRAS AIDING AND UPHOLDING DHARMA FOOD

**JÌNG Fǎ SHÍ SHÉN ZHÒU**

淨法食神咒

**TỊNH PHÁP THỰC THẦN CHÚ**

THESE SPIRITUAL MANTRAS AID AND UPHOLD THE {PURE DHARMA FOOD}, UNIVERSALLY GIVEN TO THE MULTITUDES OF THE {DISCIPLES OF THE BUDDHA} LIKE SAND GRAINS IN A RIVER, I VOW THAT WILL ALL BE SATISFIED AND RENOUNCE STINGINESS AND GREED, AND QUICKLY BE FREED FROM DARKNESS AND BE REBORN IN THE PURE LAND, AND TAKE REFUGE WITH THE TRIPLE JEWELS AND GIVE RISE TO BODHI, AND ULTIMATELY REALIZE THE UNSURPASSED PATH, WITH THE LIMITLESS MERIT AND VIRTUE WHICH EXHAUSTS THE FUTURE, MAY ALL {DISCIPLES OF THE BUDDHA} SHARE IN THE FOOD OF DHARMA.

**SHÉN ZHÒU JIĀ CHÍ {JÌNG Fǎ SHÍ},**  
神咒加持{淨法食}，

**Pŭ SHĪ HÉ SHĀ ZHÒNG {FÓ Zǐ},**  
普施河沙衆{佛子}，

**YUÀN JIĒ BǎO MǎN SHĒ QIĀN TĀN,**  
願皆飽滿捨慳貪，

**SÙ TUŌ YŌU MÍNG SHĒNG JÌNG DÙ,**  
速脫幽冥生淨土，

**GUĪ YĪ SĀN BǎO FĀ PÚ TÍ,**  
皈依三寶發菩提，

**JÌU JÌNG DÉ CHÉNG WÚ SHàng DÀO,**  
究竟得成無上道，

**GŌNG DÉ WÚ BIĀN Jìn WÈI LÁI,**  
功德無邊盡未來，

**YÍ QIÈ {FÓ Zǐ} TÓNG Fǎ SHÍ.**  
一切{佛子}同法食。

**Thần chú gia trì {tịnh pháp thực}, Phổ thí hà sa chúng {Phật tử}, Nguyện giai bảo mãn xả khan tham, Tốc thoát u minh sanh tịnh độ, Quy y Tam Bảo phát Bồ Đề, Cứu cánh đắc thành vô thượng đạo, Công đức vô biên tận vị lai, Nhất thiết {Phật tử} đồng pháp thực.**

THESE SPIRITUAL MANTRAS AID AND UPHOLD THE {DHARMA OFFERING FOOD}, UNIVERSALLY GIVEN TO THE MULTITUDES OF THE {SENTIENT BEINGS} LIKE SAND GRAINS IN A RIVER, I VOW THAT WILL ALL BE SATISFIED AND RENOUNCE STINGINESS AND GREED, AND QUICKLY BE FREED FROM DARKNESS AND BE REBORN IN THE PURE LAND, AND TAKE REFUGE WITH THE TRIPLE JEWELS AND GIVE RISE TO BODHI, AND ULTIMATELY REALIZE THE UNSURPASSED PATH, WITH THE LIMITLESS MERIT AND VIRTUE WHICH EXHAUSTS THE FUTURE, MAY ALL {SENTIENT BEINGS} SHARE IN THE FOOD OF DHARMA.

**SHÉN ZHÒU JIĀ CHÍ {Fǎ SHĪ SHÍ},**  
神咒加持{法施食}，

**Pŭ SHĪ HÉ SHĀ ZHÒNG {YǒU QÍNG},**  
普施河沙衆{有情}，

**YUÀN JIĒ BǎO MǎN SHĚ QIĀN TĀN,**  
願皆飽滿捨慳貪，

**SÙ TUŌ YŌU MÍNG SHĒNG JìNG DÙ,**  
速脫幽冥生淨土，

**GUĪ YĪ SĀN BǎO FĀ PÚ TÍ,**  
皈依三寶發菩提，

**JÌU JìNG DÉ CHÉNG WÚ SHàng DÀO,**  
究竟得成無上道，

**GŌNG DÉ WÚ BIĀN Jìn WÈI LÁI,**  
功德無邊盡未來，

**YÍ QIÈ {YǒU QÍNG} TÓNG Fǎ SHÍ.**  
一切{有情}同法食。

**Thần chú gia trì {pháp thí thực}, Phổ thí hà sa chúng {hữu tình}, Nguyện giai bảo mãn xả khan tham, Tốc thoát u minh sanh tịnh độ, Quy y Tam Bảo phát Bồ Đề, Cứu cánh đắc thành vô thượng đạo, Công đức vô biên tận vị lai, Nhất thiết {hữu tình} đồng pháp thực.**

THESE SPIRITUAL MANTRAS AID AND UPHOLD THE {SWEET DEW WATER}, UNIVERSALLY GIVEN TO THE MULTITUDES OF THE {SOLITARY SPIRITS} LIKE SAND GRAINS IN A RIVER, I VOW THAT WILL ALL BE SATISFIED AND RENOUNCE STINGINESS AND GREED, AND QUICKLY BE FREED FROM DARKNESS AND BE REBORN IN THE PURE LAND, AND TAKE REFUGE WITH THE TRIPLE JEWELS AND GIVE RISE TO BODHI, AND ULTIMATELY REALZE THE UNSURPASSED PATH, WITH THE LIMITLESS MERIT AND VIRTUE WHICH EXHAUSTS THE FUTURE, MAY ALL {SOLITARY SPIRITS} SHARE IN THE FOOD OF DHARMA.

**SHÉN ZHÒU JIĀ CHÍ {GĀN LÙ SHUǏ},**  
神咒加持 {甘露水}，

**Pŭ SHĪ HÉ SHĀ ZHÒNG {GŪ HÚN},**  
普施河沙衆 {孤魂}，

**YUÀN JIĒ BǎO MǎN SHĚ QIĀN TĀN,**  
願皆飽滿捨慳貪，

**SÙ TUŌ YŌU MÍNG SHĒNG JìNG DÙ,**  
速脫幽冥生淨土，

**GUĪ YĪ SĀN BǎO FĀ PÚ TÍ,**  
皈依三寶發菩提◎，

**JÌ JìNG DÉ CHÉNG WÚ SHàng DÀO,**  
究竟得成無上道，

**GŌNG DÉ WÚ BIĀN Jìn WÈI LÁI,**  
功德無邊盡未來◎，

**YÍ QIÈ {GŪ HÚN} TÓNG Fǎ SHÍ.**  
一切 {孤魂} 同法食

**Thần chú gia trì {cam lồ thủy}, Phổ thí hà sa chúng {cô hồn}, Nguyện giai bảo mãn xả khan tham, Tốc thoát u minh sanh tịnh độ, Quy y Tam Bảo phát Bồ Đề, Cứu cánh đắc thành vô thượng đạo, Công đức vô biên tận vị lai, Nhất thiết {cô hồn} đồng pháp thực.**

- ▶ ALL OF YOU MULTITUDES OF {DISCIPLES OF THE BUDDHA}, I NOW MAKE THIS OFFERING TO YOU. THIS FOOD PERVADES THE TEN DIRECTIONS, TO ALL THE {DISCIPLES OF THE BUDDHA} TOGETHER. I VOW THAT THE MERIT AND VIRTUE FROM THIS, WILL GO EVERYWHERE TO REACH EVERYONE. THIS FOOD OFFERING IS GIVEN TO THE {DISCIPLES OF THE BUDDHA}, SO THAT THEY WILL REALIZE THE BUDDHA PATH.

**Rŭ Dĕng {Fó zǐ} Zhòng,**  
汝等 {佛子} 衆◎，

**Wǒ jīn shī rǔ gòng.**  
我今施汝供。

**Cǐ shí biàn shí fāng,**  
此食徧十方，

**Yí qiè {Fó zǐ} gòng.**  
一切 {佛子} 共。

**Yuàn yǐ cǐ gōng dé,**  
願以此功德，

**Pǔ jí yú yí qiè.**  
普及於一切。

**Shī shí yǔ {Fó zǐ},**  
施食與 {佛子}，

**Jiē gòng chéng fó dào.**  
皆共成佛道。

**Nhữ đấng {Phật tử} chúng, Ngã kim thí nhữ cúng.  
Thử thực biến thập phương, Nhất thiết {Phật tử}  
cộng. Nguyện dĩ thử công đức, phổ cập ư nhất  
thiết. Thí thực dĩ {Phật tử}, Giai cộng thành Phật  
đạo.**

ALL OF YOU MULTITUDES OF {SENTIENT BEINGS}, I NOW  
MAKE THIS OFFERING TO YOU. THIS FOOD PERVADES THE TEN  
DIRECTIONS, TO ALL THE {SENTIENT BEINGS} TOGETHER. I VOW  
THAT THE MERIT AND VIRTUE FROM THIS, WILL GO EVERYWHERE  
TO REACH EVERYONE. THIS FOOD OFFERING IS GIVEN TO THE  
{SENTIENT BEINGS}, SO THAT THEY WILL REALIZE THE BUDDHA  
PATH.

**RŨ DẺNG {YŌU QÍNG} ZHÒNG,**  
汝等 {有情} 衆，

**WŌ JĪN SHĪ RŨ GÒNG.**  
我今施汝供。

**CĪ SHÍ BIÀN SHÍ FĀNG,**  
此食徧十方，

**YÍ QIÈ {YŌU QÍNG} GÒNG.**  
一切 {有情} 共。

**YUÀN Yǐ Cǐ GŌNG DÉ,**  
願以此功德，

**PŪ JÍ YÚ YÍ QIÈ.**  
普及於一切。

**SHĪ SHÍ YŪ {YŌU QÍNG},**  
施食與 {有情}，

**JIÈ GÒNG CHÉNG FÓ DÀO.**  
皆共成佛道。

**Nhữ đấng {hữu tình} chúng, Ngã kim thí nhữ  
cúng. Thử thực biến thập phương, Nhất thiết {hữu  
tình} cộng. Nguyện dĩ thử công đức, phổ cập ư  
nhất thiết. Thí thực dĩ {hữu tình}, Giai cộng thành  
Phật đạo.**

ALL OF YOU MULTITUDES OF {SOLITARY SPIRITS}, I NOW  
MAKE THIS OFFERING TO YOU. THIS FOOD PERVADES THE TEN  
DIRECTIONS, TO ALL THE {SOLITARY SPIRITS} TOGETHER. I VOW  
THAT THE MERIT AND VIRTUE FROM THIS, WILL GO EVERYWHERE  
TO REACH EVERYONE. THIS FOOD OFFERING IS GIVEN TO THE  
{SOLITARY SPIRITS}, SO THAT THEY WILL REALIZE THE BUDDHA  
PATH.

**RŨ DẺNG {GŪ HÚN} ZHÒNG,**  
汝等 {孤魂} 衆◎，

**WŌ JĪN SHĪ RŨ GÒNG.**  
我今施汝供。

**CĪ SHÍ BIÀN SHÍ FĀNG,**  
此食徧十方，

**YÍ QIÈ {GŪ HÚN} GÒNG.**  
一切 {孤魂} 共。

**YUÀN Yǐ Cǐ GŌNG DÉ,**  
願以此功德，

**PŪ JÍ YÚ YÍ QIÈ.**  
普及於一切。

**SHĪ SHÍ YŪ {GŪ HÚN},**  
施食與 {孤魂}，

**JIÈ GÒNG CHÉNG FÓ DÀO.**  
皆共成佛道◎。

**Nhữ đấng {cô hồn} chúng, Ngã kim thí nhữ cúng.  
Thử thực biến thập phương, Nhất thiết {cô hồn}  
cộng. Nguyện dĩ thử công đức, phổ cập ư nhất  
thiết. Thí thực dĩ {cô hồn}, Giai cộng thành Phật  
đạo.**



▶ GIVING UNOBSTRUCTED FOOD TRUE WORDS

**SHĪ WÚ ZHĒ SHÍ ZHĒN YÁN**

施無遮食真言

**THÍ VÔ GIÁ THỰC CHÂN NGÔN**

**NÁN, MÙ LÌ LÍNG, SUŌ PÓ HĒ.** (3x)

唵。穆力陵。娑婆訶◎<sub>1</sub>。 (3x)

**Án, mục lực lǎng, ta bà ha.** (3x)

▶ UNIVERSAL OFFERING TRUE WORDS

**Pŭ GÒNG YÀNG ZHĒN YÁN**

普供養真言

**PHŌ CÚNG DƯƠNG CHÂN NGÔN**

**NĀN**

唵

**Án**

**YĒ YĒ NǎNG**

夜夜囊◎<sub>3</sub>

**nga nga nǎng**

**SĀN PÓ WÁ**

三婆縛◎<sub>3</sub>

**tam bà phạ**

**FÁ RÌ LÀ**

伐日囉

**phiệt nhựt ra**

**HÒNG** (3x)

斛◎<sub>1</sub> (3x)

**hông** (3x)

THE HEART OF PRAJNA PARAMITA SUTRA  
**BÔ RỄ BÔ LUÓ MÌ DUŌ XĪN JĪNG**  
**般若波羅蜜多心經**◎  
**BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH**

WHEN BODHISATTVA AVALOKITESHVARA WAS PRACTICING THE PROFOUND PRAJNA PARAMITA, HE ILLUMINATED THE FIVE SKANDHAS AND SAW THAT THEY ARE ALL EMPTY, AND HE CROSSED BEYOND ALL SUFFERING AND DIFFICULTY.

**GUĀN ZÌ ZÀI PÚ SÀ, XÍNG SHĒN BÔ RỄ BÔ LUÓ MÌ DUŌ**  
觀自在菩薩。行深般若波羅蜜多

**SHÍ, ZHÀO JIÀN WŨ YÙN JIĒ KŌNG, DÙ YÍ QIÈ KŪ È.**  
時。照見五蘊皆空。度一切苦厄。

**Quán Tự Tại Bồ Tát, hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.**

SHARIPUTRA, FORM DOES NOT DIFFER FROM EMPTINESS; EMPTINESS DOES NOT DIFFER FROM FORM. FORM ITSELF IS EMPTINESS; EMPTINESS ITSELF IS FORM.

**SHÈ LÌ Zǐ, SÈ BÚ YÌ KŌNG, KŌNG BÚ YÌ SÈ,**  
舍利子。色不異空。空不異色。

**SÈ JÍ SHÌ KŌNG, KŌNG JÍ SHÌ SÈ.**  
色即是空。空即是色。

**Xá Lợi Tử, sắc bất dị không, không bất dị sắc; sắc tức thị không, không tức thị sắc.**

SO TOO ARE FEELING, COGNITION, FORMATION, AND CONSCIOUSNESS.

**SHÒU XIǎNG XÍNG SHÍ YÌ FÙ RÚ SHÌ.**  
受想行識亦復如是。

**Thọ tưởng hành thức diệc phục như thị.**

SHARIPUTRA, ALL DHARMAS ARE EMPTY OF CHARACTERISTICS. THEY ARE NOT PRODUCED, NOT DESTROYED,

**SHÈ LÌ Zǐ, SHÌ ZHŪ Fǎ KŌNG XIÀNG, BÙ SHĒNG BÚ MIÈ,**  
舍利子。是諸法空相。不生不滅。

**Xá Lợi Tử, thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt,**

NOT DEFILED, NOT PURE; AND THEY NEITHER INCREASE NOR DIMINISH.

**BÚ GÒU BÚ JÌNG, BÙ ZĒNG BÙ JIǎN,**  
不垢不淨。不增不減。

**Bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm,**

THEREFORE, IN EMPTINESS THERE IS NO FORM, FEELING, COGNITION, FORMATION, OR CONSCIOUSNESS;

**SHÌ GÙ KŌNG ZHŌNG WÚ SÈ,**  
是故空中無色。

**WÚ SHÒU XIǎNG XÍNG SHÍ,**  
無受想行識。

**Thị cổ không trung vô sắc, vô thọ tưởng hành thức,**

NO EYES, EARS, NOSE, TONGUE, BODY, OR MIND; NO SIGHTS, SOUNDS, SMELLS, TASTES, OBJECTS OF TOUCH, OR DHARMAS;

**WÚ YǎN ĚR BÍ SHÉ SHĒN YÌ.**  
無眼耳鼻舌身意。

**WÚ SÈ SHĒNG XIĀNG WÈI CHÙ Fǎ.**  
無色聲香味觸法。

**Vô nhãn nhĩ tị thiệt thân ý, vô sắc thanh hương vị xúc pháp.**

NO FIELD OF THE EYES UP TO AND INCLUDING NO FIELD OF MIND CONSCIOUSNESS;

**WÚ YǎN JIÈ, NǎI ZHÌ WÚ YÌ SHÍ JIÈ.**  
無眼界。乃至無意識界。

**Vô nhãn giới, nãi chí vô ý thức giới;**

AND NO IGNORANCE OR ENDING OF IGNORANCE,

**WÚ WÚ MÍNG, YÌ WÚ WÚ MÍNG JÌN.**

無無明。亦無無明盡。

**Vô vô minh, diệt vô vô minh tận.**

UP TO AND INCLUDING NO OLD AGE AND DEATH OR ENDING OF OLD AGE AND DEATH.

**NĀI ZHÌ WÚ LǎO Sǐ, YÌ WÚ LǎO Sǐ JÌN.**

乃至無老死。亦無老死盡。

**Nāi chí vô lão tử, diệt vô lão tử tận.**

THERE IS NO SUFFERING, NO ACCUMULATING, NO EXTINCTION, AND NO WAY, AND NO UNDERSTANDING AND NO ATTAINING.

**WÚ Kǔ JÍ MIÈ DÀO, WÚ ZHÌ YÌ WÚ DÉ.**

無苦集滅道。無智亦無得。

**Vô Khổ Tập Diệt Đạo, vô trí diệt vô đắc.**

BECAUSE NOTHING IS ATTAINED, THE BODHISATTVA THROUGH RELIANCE ON PRAJNA PARAMITA IS UNIMPEDED IN HIS MIND.

**Yǐ WÚ SUǒ DÉ GÙ, PÚ TÍ SÀ DUǒ,**  
以無所得故。菩提薩埵。

**Yī Bō Rě Bō LUÓ MÌ DUŌ GÙ, XĪN WÚ GUÀ ÀI.**  
依般若波羅蜜多故。心無罣礙。

**Dǐ vô sở đắc cố, Bồ Đề Tát Đỏa. Y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, tâm vô quái ngại.**

BECAUSE THERE IS NO IMPEDIMENT, HE IS NOT AFRAID, AND HE LEAVES DISTORTED DREAM-THINKING FAR BEHIND. ULTIMATELY NIRVANA!

**WÚ GUÀ ÀI GÙ, WÚ YǒU KǒNG BÙ,**  
無罣礙故。無有恐怖。

**YUǎN LÍ DIĀN DǎO MÈNG XIǎNG. JIŪ JìNG NIÈ PÁN.**  
遠離顛倒夢想。究竟涅槃。

**Vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng. Cứu cánh Niết Bàn.**

ALL BUDDHAS OF THE THREE PERIODS OF TIME THROUGH RELIANCE ON PRAJNA PARAMITA ATTAIN ANUTTARA-SAMYAK-SAMBODHI.

**SĀN SHÌ ZHŪ FÓ, YĪ BŌ RĚ BŌ LUÓ MÌ DUŌ GÙ,**  
三世諸佛◎。依般若波羅蜜多故。

**DÉ Ē NÒU DUŌ LUÓ SĀN MIǎO SĀN PÚ TÍ.**  
得阿耨多羅三藐三菩提。

**Tam thể chư Phật, y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.**

THEREFORE KNOW THAT PRAJNA PARAMITA IS A GREAT SPIRITUAL MANTRA, A GREAT BRIGHT MANTRA, A SUPREME MANTRA, AN UNEQUALED MANTRA.

**GÙ ZHĪ BŌ RÈ BŌ LUÓ MÌ DUŌ, SHÌ DÀ SHÉN ZHÒU,**  
故知般若波羅蜜多。是大神咒。

**SHÌ DÀ MÍNG ZHÒU, SHÌ WÚ SHÀNG ZHÒU,**  
是大明咒。是無上咒。

**SHÌ WÚ DĚNG DĚNG ZHÒU,**  
是無等等咒。

**Cố tri Bát Nhã Ba La Mật Đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú,**

IT CAN REMOVE ALL SUFFERING; IT IS GENUINE AND NOT FALSE.

**NÉNG CHÚ YÍ QIÈ Kǚ, ZHĒN SHÍ BÙ XŪ,**  
能除一切苦。真實不虛。

**Năng trừ nhất thiết khổ, chân thật bất hư.**

THAT IS WHY THE MANTRA OF PRAJNA PARAMITA WAS SPOKEN. RECITE IT LIKE THIS:

**GÙ SHUŌ BŌ RĚ BŌ LUÓ MÌ DUŌ ZHÒU.**  
故說般若波羅蜜多咒。

**JÍ SHUŌ ZHÒU YUĒ:**  
即說咒曰◎。

**Cố thuyết Bát Nhã Ba La Mật Đa chú. Tức thuyết chú viết:**

GATÉ GATÉ PARAGATÉ PARASAMGATÉ BODHI SVAHA!

**JIĒ DÌ JIĒ DÌ, BŌ LUÓ JIĒ DÌ,**  
揭諦揭諦。波羅揭諦。

**BŌ LUÓ SĒNG JIĒ DÌ, PÚ TÍ SÀ PÓ HĒ.**  
波羅◎僧揭諦。菩提薩婆訶。

**Yēt đễ yēt đễ, ba la yēt đễ, ba la tăng yēt đễ, bô đễ tát  
bà ha.**

▶ SPIRIT MANTRA FOR REBIRTH IN THE PURE LAND

**WǎNG SHĒNG JÌNG DÙ ZHÒU**

往生咒淨土

**VǎNG SANH TỊNH ĐỘ THẦN CHÚ**

**NÁ MÓ Ē MÍ DUŌ PÓ YÈ**

南無阿彌多婆夜◎<sub>1,3</sub>

**Nam Mô a di đā bà đạ**

**DUŌ TUŌ QÍÉ DUŌ YÈ**

哆他伽多夜

**Đa tha già đā đạ**

**DUŌ DÌ YÈ TUŌ**

哆地夜他

**Đa đīa đạ tha**

**Ē MÍ LÌ DŪ PÓ PÍ**

阿彌利都婆毗

**A di lị đō bà tì**

**Ē MÍ LÌ DUŌ**

阿彌利哆

**A di lị đā**

**XĪ DÀN PÓ PÍ**  
悉耽婆毗  
**Tât đam bà tì**

**Ē MÍ LÌ DUŌ**  
阿彌利哆  
**A di lị đā**

**PÍ JIĀ LÁN DÌ**  
毗迦蘭帝◎<sub>3</sub>  
**Tì ca lan đẽ**

**Ē MÍ LÌ DUŌ**  
阿彌利哆  
**A di lị đā**

**PÍ JIĀ LÁN DUŌ**  
毗迦蘭多  
**Tì ca lan đā**

**QIÉ MÍ NÌ**  
伽彌膩◎<sub>3</sub>  
**Già di nị**

**QIÉ QIÉ NUÓ**  
伽伽那  
**Già già na**

**ZHĪ DUŌ JIĀ LÌ**  
枳多迦利  
**Chỉ đā ca lị**

**SUÒ PÓ HĒ** (3x)  
娑婆訶 (3x)  
**Ta bà ha** (3x)

**Praise**  
**ZÀN JÌ**  
**讚 偈**  
**Kệ tán**

MAY ALL THE FOUR KINDS OF BIRTHS REACH THE JEWELLED LAND,

**SÌ SHÈNG DÈNG YÚ BǎO DÌ,**

四生登於寶地◎，

**Tứ sanh đặng ư bảo địa,**

AND THE BEINGS OF THE THREE REALMS BE BORN FROM LOTUS  
BLOOMS.

**SĀN YǒU TUŌ HUÀ LIÁN CHÍ.**

三有托化蓮池。

**Tam hữu thác hóa liên trì.**

MAY ALL THE MYRIAD GHOSTS ATTAIN THE THREE-FOLD WORTHINESS,

**HÉ SHĀ È GUǐ ZHÈNG SĀN XIÁN,**

河沙餓鬼證三賢，

**Hà sa ngạ quỷ chứng tam hiền,**

AND THE COUNTLESS SENTIENT ONES ASCEND THE TEN GROUNDS.

**WÀN LÈI YǒU QÍNG DÈNG SHÍ DÌ.**

萬類有情登十地。

**Vạn loài hữu tình đặng thập địa.**

AMITABHA'S BODY IS THE COLOR OF GOLD

**Ē MÍ TUÓ FÓ SHĒN JĪN SÈ,**

阿彌陀佛身金色◎，

**A Di Đà Phật thân kim sắc,**



THE SPLENDOR OF HIS HALLMARKS HAS NO PEER.

**XIÀNG HǎO GUĀNG MÍNG WÚ DĒNG LÚN,**

相好光明無等倫，

**Tượng hảo quang minh vô đẳng luân,**

THE LIGHT OF HIS BROWS SHINES ROUND A HUNDRED WORLDS,

**BÁI HÁO WǎN ZHUǎN WŨ XŪ MÍ,**

白毫宛轉五須彌，

**Bạch hào uyển-chuyển ngũ tu-di,**

WIDE AS THE SEAS ARE HIS EYES PURE AND CLEAR.

**GÀN MŪ CHÉNG QĪNG SÌ DÀ HǎI,**

紺目澄清四大海，

**Cám mục trường thanh tứ đại hải,**

SHINING IN HIS BRILLIANCE BY TRANSFORMATION

**GUĀNG ZHŌNG HUÀ FÓ WÚ SHÙ YÌ,**

光中化佛無數億，

**Quang trung hóa Phật vô số ức,**

ARE COUNTLESS BODHISATTVAS AND INFINITE BUDDHAS.

**HUÀ PÚ SÀ ZHÒNG YÌ WÚ BIĀN,**

化菩薩衆亦無邊◎，

**Hóa Bồ-tát chúng diệc vô-biên,**

HIS FORTY-EIGHT VOWS WILL BE OUR LIBERATION,

**SÌ SHÍ BĀ YUÀN DÙ ZHÒNG SHĒNG,**

四十八願度衆生，

**Tứ thập bát nguyện độ chúng-sanh,**

IN NINE LOTUS STAGES WE REACH THE FARTHEST SHORE.

**JIŨ PĪN XIÁN LÌNG DĒNG BĪ ÀN,**

九品咸令登彼岸，

**Cửu phẩm hàm linh đăng bỉ ngạn.**

HOMAGE TO THE BUDDHA OF THE WESTERN PURE LAND, KIND AND  
COMPASSIONATE AMITABHA.

**NÁ MÓ XĪ FĀNG JÍ LÈ SHÌ JIÈ,**  
南無西方極樂世界◎，

**DÀ CÍ DÀ BĒI Ē MÍ TUÓ FÓ.**  
大慈大悲，阿彌陀◎佛。

**Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A  
Di Đà Phật.**

NA MO AMITABHA BUDDHA. *(Recite while circle-ambulating)*

**NÁ MÓ Ē MÍ TUÓ FÓ.**  
南無阿彌陀佛。 (繞念)

**Nam Mô A Di Đà Phật.** *(niệm Phật và đi nhiễu)*

## Vow to be Reborn in the West

JÌNG DÙ WÉN

淨土文

Tịnh Độ Văn

WITH ONE MIND, I RETURN MY LIFE TO AMITABHA BUDDHA WHO IS IN THE LAND OF ULTIMATE BLISS,

**YĪ XĪN GUĪ MÌNG, JÍ LÈ SHÌ JIÈ, Ē MÍ TUÓ FÓ,**  
一心皈命，極樂世界，阿彌陀佛◎。

**Nhật tâm quy mạng, cực lạc thế giới, A Di Đà Phật,**

WISHING HIS PURE LIGHT ILLUMINES ME AND HIS KIND VOWS GATHER ME IN.

**YUÀN Yǐ JìNG GUĀNG ZHÀO Wǒ, CÍ SHÌ SHÈ Wǒ.**  
願以淨光照我，慈誓攝我。

**Nguyện dĩ tịnh quang chiếu ngã, từ thệ nhiếp ngã.**

NOW, WITH PROPER MINDFULNESS, I PRAISE THE THUS COME ONE'S NAME, IN ORDER TO TAKE THE PATH OF BODHI AND TO SEEK REBIRTH IN THE PURE LAND.

**Wǒ Jīn zhèng niàn, chēng rú lái míng,**  
我今正念，稱如來名，

**WÉI PÚ TÍ DÀO, QIÚ SHÈNG JìNG DÙ.**  
為菩提道，求生淨土。

**Ngã kim chánh niệm, xưng Như Lai danh, vi Bồ Đề Đạo, cầu sanh tịnh độ.**

IN THE PAST, THE BUDDHA VOWED:

**FÓ XĪ BĒN SHÌ:**  
佛昔本誓:

**Phật tích bốn thệ:**

“IF LIVING BEINGS WHO WISH FOR REBIRTH IN MY LAND,  
**RUÒ YǒU ZHÒNG SHÈNG, YÙ SHÈNG Wǒ GUÓ,**  
若有衆生，欲生我國，  
**“Nhược hữu chúng sanh, dục sanh ngã quốc,**

AND WHO RESOLVE THEIR MINDS WITH FAITH AND JOY EVEN FOR JUST  
TEN RECITATIONS, ARE NOT REBORN THERE, I WILL NOT ATTAIN THE  
PROPER ENLIGHTENMENT.”

**ZHÌ XÍN Xìn YÀO, Nǎi ZHÌ SHÍ NIÀN,**  
志心信樂，乃至十念，

**RUÒ BÙ SHÈNG ZHĚ, BÙ Qǔ ZHÈNG JUÉ.**  
若不生者，不取正覺。

**Chí tâm tín nhạo, nãi chí thập niệm, nhược bất sanh  
giả, Bất thủ Chánh Giác.”**

THROUGH MINDFULNESS OF THE BUDDHA, I ENTER THE SEA OF THE  
THUS COME ONE’S GREAT VOWS, AND RECEIVE THE POWER OF THE  
BUDDHA’S KINDNESS.

**Yǐ Cǐ NIÀN FÓ YĪN YUÁN, DÉ RÙ RÚ LÁI,**  
以此念佛因緣◎，得人如來，

**DÀ SHÌ Hǎi ZHŌNG, CHÉNG FÓ CÍ LÌ,**  
大誓海中，承佛慈力，

**Dĩ thử niệm Phật nhân duyên, đắc nhập Như Lai, đại  
thệ hải trung, thừa Phật từ lực,**

MY MULTITUDE OF OFFENSES IS ERADICATED AND MY GOOD ROOTS  
INCREASE AND GROW.

**ZHÒNG ZUÌ XIĀO MIÈ, SHÀN GĒN ZÈNG ZHǎNG.**  
衆罪消滅，善根增長。

**chúng tội tiêu diệt, thiện căn tăng trưởng.**

AS I APPROACH THE END OF LIFE, I MYSELF WILL KNOW THE TIME OF  
ITS COMING.

**RUÒ LÍN MÌNG ZHŌNG, Zì ZHĪ SHÍ ZHì,**  
若臨命終，自知時至，

**Nhược lâm mạng chung, tự tri thời chí,**

MY BODY WILL BE FREE OF ILLNESS AND PAIN. MY HEART WILL HAVE  
NO GREED OR FONDNESS,

**SHĒN WÚ BÌNG Kǔ, XĪN BÙ TĀN LIÀN,**  
身無病苦，心不貪戀，  
**thân vô bệnh khổ, tâm bất tham luyến,**

AND MY THOUGHT WILL NOT BE UPSIDE DOWN, JUST AS IN ENTERING  
CHAN SAMADHI.

**YÌ BÙ DIĀN DǎO, RÚ RÙ CHÁN DÌNG.**  
意不顛倒，如入禪定。  
**ý bất điên đảo, như nhập thiền định.**

THE BUDDHA AND THE ASSEMBLY OF SAGES, LEADING ME BY THE  
HAND TO THE GOLDEN DAIS, WILL COME TO WELCOME ME.

**FÓ JÍ SHÈNG ZHÒNG, SHǒU ZHÍ JĪN TÁI,**  
佛及聖眾，手執金臺，

**LÁI YÍNG JIĒ Wǒ,**  
來迎接我，

**Phật cập thánh chúng, thủ chấp kim đài, lai nghinh  
tiếp ngã,**

AND IN THE SPACE OF A THOUGHT I WILL BE REBORN IN THE LAND OF  
THE ULTIMATE BLISS.

**YÚ YÍ NIÀN QǐNG, SHĒNG JÍ LÈ GUÓ.**  
於一念頃，生極樂國◎。

**Ư nhất niệm khoảnh, sanh cực lạc quốc.**

THE FLOWER WILL OPEN, AND I WILL SEE THE BUDDHA, STRAIGHT-WAY  
HEAR THE BUDDHA VEHICLE, AND IMMEDIATELY ATTAIN THE WISDOM  
OF A BUDDHA.

**HUĀ KĀI JIÀN FÓ, JÍ WÉN FÓ SHÈNG, DÙN KĀI FÓ HUÌ,**  
花開見佛，即聞佛乘，頓開佛慧◎，

**Hoa khai kiến Phật, tức văn Phật Thừa, đốn khai Phật  
huệ,**

I WILL CROSS OVER LIVING BEINGS ON A WIDE SCALE, FULFILLING MY  
BODHI VOWS.

**GUǎNG DÙ ZHÒNG SHĒNG, MǎN PÚ TÍ YUÀN.**

廣度衆生，滿菩提願。

**Quảng độ chúng sanh, mãn Bồ Đề nguyện.**

ALL BUDDHAS OF THE TEN DIRECTIONS AND THE THREE PERIODS OF  
TIME, ALL BODHISATTVAS, MAHASATTVAS,

**SHÍ FĀNG SĀN SHÌ YÍ QÌÈ FÓ,**

十方三世一切佛◎，

**YÍ QÌÈ PÚ SÀ MÓ HĒ SÀ,**

一切菩薩摩訶薩，

**Thập phương tam thế nhất thiết Phật, nhất thiết Bồ  
Tát Ma Ha Tát,**

MAHA PRAJNA PARAMITA !

**MÓ HĒ BŌ RĚ BŌ LUÓ MÌ !**

◎摩訶般若◎波羅蜜◎！

**Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật !**

THREE REFUGES

**SĀN GUĪ YĪ**

三皈依

**TAM QUY Y**

TO THE BUDDHA I RETURN AND RELY, VOWING THAT ALL LIVING BEINGS UNDERSTAND THE GREAT WAY PROFOUNDLY, AND BRING FORTH THE BODHI MIND. (*bow*)

**ZÌ GUĪ YĪ FÓ, DĀNG YUÀN ZHÒNG SHÈNG,**  
自皈依佛◎，當願衆生，

**Tǐ Jiě dà dào, fā wú shàng xīn.**  
體解大道，發無上心◎。(拜)

**Tự quy-y Phật, đương nguyện chúng-sanh, thể giải đại-đạo, phát vô-thượng tâm.** (*lay*)

TO THE DHARMA I RETURN AND RELY, VOWING THAT ALL LIVING BEINGS DEEPLY ENTER THE SUTRA TREASURY, AND HAVE WISDOM LIKE THE SEA. (*bow*)

**ZÌ GUĪ YĪ Fǎ, DĀNG YUÀN ZHÒNG SHÈNG,**  
自皈依法◎，當願衆生，

**SHÈN RÙ JĪNG ZÀNG, zhì huì rú hǎi.**  
深入經藏，智慧如海◎。(拜)

**Tự quy-y Pháp, đương nguyện chúng-sanh, thâm nhập kinh-tạng, trí huệ như hải.** (*lay*)

TO THE SANGHA I RETURN AND RELY, VOWING THAT ALL LIVING BEINGS FORM TOGETHER A GREAT ASSEMBLY (*bow*). ONE AND ALL IN HARMONY (*half-bow*).

**ZÌ GUĪ YĪ SĒNG, DĀNG YUÀN ZHÒNG SHÈNG,**  
自皈依僧◎，當願衆生，

**Tǒng lǐ dà zhòng, yí qiè wú ài. Hé nán shèng zhòng.**  
統理大眾◎ 一切無礙◎ (拜)，和南聖衆◎ (問訊)

**Tự quy-y Tăng, đương nguyện chúng-sanh, thông-lý đại-chúng, nhất thiết vô ngại** (*lay*). **Hòa nam thánh chúng** (*vái*).  
(*3<sup>1/2</sup> bows to Triple Jewel / 頂禮三寶 3<sup>1/2</sup>拜 / Đảnh lễ Tam Bảo 3<sup>1/2</sup> lay*)

(*3<sup>1/2</sup> bows to Shariras / 頂禮佛舍利 3<sup>1/2</sup>拜 / Đảnh lễ Xá Lợi Phật 3<sup>1/2</sup> lay*)

## Universal Worthy Bodhisattva's Verse of Exhortation

PŪ XIÁN PÚ SÀ JǐNG ZHÒNG JÌ

普賢菩薩警眾偈

**Kệ Phổ Hiền Bồ Tát Cảnh Chúng**

THIS DAY IS ALREADY OVER, OUR LIVES ARE THUS SHORTER! WE'RE LIKE FISH IN A POND WITH SHRINKING WATER, WHERE IS THE JOY?

**SHÌ RÌ Yǐ GUÒ, MÌNG Yì SUÍ JIǎN,**  
是日已過◎，命亦隨減，

**RÚ SHǎO SHUǐ YÚ, SĪ YǒU HÉ LÈ ?**  
如少水魚，斯有何樂？

**Thị nhật dĩ quá, mệnh diệt tùy giảm, Như thiếu thủy ngư, tư hữu hà lạc?**

*Leader says / 維那師呼 / Duy Na sư vân:*

GREAT ASSEMBLY !

**DÀ ZHÒNG !**

大眾◎！

**Đại chúng !**

LET'S BE DILIGENT AND VIGOROUS, AS IF OUR OWN HEADS WERE AT STAKE. BE MINDFUL OF IMPERMANENCE AND AVOID BEING LAX.

**DĀNG QÍN JĪNG Jìn, RÚ JIÙ TÓU RÁN,**  
當勤精進，如救頭然，

**DÀN NIÀN WÚ CHÁNG, SHÈN WÙ FÀNG Yì.**  
但念無常，◎慎勿放逸◎。

**Đương cần tinh tấn, như cứu đầu nhiên, Đãn niệm vô thường, thận vật phóng dật.**

AMITABHA !

**Ē MÍ TUÓ FÓ !**

阿彌陀佛！

**A Di Đà Phật !**